

Số: 475/BC-UBND

Kiên Giang, ngày 24 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 – 2020 và phương phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 14/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 158/2015/NQ-HĐND ngày 9/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Kiên Giang,

Căn cứ Chương trình Kỳ họp thường lệ cuối năm 2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025, với những nội dung cụ thể như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 trong điều kiện kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững. Kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng; nhiều chính sách ban hành phát huy hiệu quả; một số công trình trọng điểm đã hoàn thành, đưa vào sử dụng góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; an sinh xã hội được đảm bảo; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn như: nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế; sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn; thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn và dịch bệnh liên tiếp xảy ra làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của Nhân dân, nghiêm trọng nhất là ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn mùa khô 2015-2016 ngay đầu nhiệm kỳ, sự bùng phát dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường với tốc độ lây lan nhanh trên phần lớn các quốc gia và vùng lãnh thổ, Chính phủ nhiều nước hạn chế di chuyển, đóng cửa biên giới, nhiều nền kinh tế lớn bị thiệt hại, làm gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên vật liệu và hàng hóa trên toàn thế giới và tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, qua đó ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.



Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương cùng Nhân dân trong tỉnh tiếp tục nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, tranh thủ tối đa các nguồn lực nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; tích cực thu hút đầu tư, liên kết hợp tác với các địa phương, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền, dân và quân trong tỉnh và sự chỉ đạo, giúp đỡ hiệu quả của Trung ương, tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 theo Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII, kết quả hoàn thành cơ bản mục tiêu tổng quát đã đề ra: Xây dựng được môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi đối với các thành phần kinh tế; tái cơ cấu nông nghiệp phát huy nhiều hiệu quả từng bước đi vào chiều sâu gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững tạo nhiều chuyển biến tích cực tại khu vực nông thôn; công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ thực hiện tốt vai trò đầu ra và gia tăng giá trị cho các sản phẩm ngành nông nghiệp góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ngành du lịch từng bước phát triển đóng góp ngày càng cao trong nền kinh tế của tỉnh; phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, văn hoá, thể thao và bảo vệ môi trường được chú trọng, có nhiều bước tiến tích cực; công tác an sinh xã hội thực hiện tốt; quốc phòng - an ninh đảm bảo, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao.

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh chịu sự tác động mạnh mẽ của dịch bệnh Covid-19 (*bùng phát lần 1 và 2*), ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn và một số chính sách mới của Chính phủ... đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư, thu ngân sách, các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, xuất khẩu, một số doanh nghiệp bị thu hẹp sản xuất, cắt giảm lao động, hoạt động cầm chừng hoặc tạm ngừng sản xuất.



Trước tình hình đó, bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh đã kịp thời triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp công tác phòng chống dịch Covid – 19, hạn chế thấp nhất những tác động của dịch bệnh, tác động đến phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh; quyết liệt, kịp thời triển khai các biện pháp, huy động các nguồn lực hỗ trợ, khắc phục thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn gây ra. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016-2020 đạt được những kết quả nhất định, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu: kết quả **06** chỉ tiêu vượt kế hoạch, **09** chỉ tiêu đạt kế hoạch và **08** chỉ tiêu không đạt kế hoạch (*phụ biểu kèm theo*).

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 04 năm 2016 – 2019 (giá so sánh 2010) đạt 7,21%/năm, năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 ước tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh chỉ tăng 3,05% so với năm 2019. Do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2016 – 2020 (giá so sánh 2010) đạt 6,37%/năm¹ (*theo giá so sánh 2010*), thấp hơn mục tiêu 8,5%/năm của kế hoạch² (*nếu tính theo giá trị năm 2015 tại thời điểm xây dựng kế hoạch là 47.076 tỷ đồng thì bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 7,93%*); quy mô nền kinh tế của tỉnh ngày càng được mở rộng và nâng cao, ước đến năm 2020 GRDP của tỉnh đạt khoảng 96.817,62 tỷ đồng (giá hiện hành), tăng gấp 1,5 lần năm 2015³.

Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp từ 40,39% năm 2015 xuống còn 32,74% năm 2020 (*mục tiêu 36,28%*); tỷ trọng công nghiệp tăng từ 18,11% lên 20,65% (*mục tiêu 23,38%*) và dịch vụ tăng từ 41,5% lên 46,61% (*mục tiêu 40,33%*); GRDP bình quân đầu người (*theo giá thực tế*) ước đạt 56 triệu đồng/người/năm (*trương đương 2.418 USD*), gấp 1,53 lần so với năm 2015.

II. VỀ PHÁT TRIỂN TRONG TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực; năng suất lao động được nâng lên.

a) Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện; xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực

Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện, do ảnh hưởng bất thường của điều kiện thời tiết, thủy văn như tình hình hạn hán, xâm nhập mặn..., dịch bệnh trong chăn nuôi, làm ảnh hưởng đến sản xuất dẫn đến tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt thấp.

¹ Trong đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) giá so sánh 2010 của năm 2016 là 6,61%; năm 2017 là 7,39% và năm 2018 là 7,55%; năm 2019 là 7,3%; ước năm 2020 là 3,05 %.

² Trong đó, khu vực Nông, lâm, thủy sản tăng 2,27%/năm; khu vực Công nghiệp, Xây dựng tăng 8,5%/năm; khu vực Thương mại, Dịch vụ tăng 8,57%/năm; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 13,99%.

³ Quy mô GRDP theo giá hiện hành năm 2015 là 61.335,2 tỷ đồng.

Toàn tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, đồng thời nhân rộng các mô hình hiệu quả; tăng cường liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị; khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân (giá so sánh 2010) ước đạt 3,33%/năm.

Ngành trồng trọt đã có bước chuyển dịch cơ cấu giống, cây trồng, mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với điều kiện các vùng sinh thái và các địa phương trong tỉnh, sản lượng lúa bình quân trên 4,5 triệu/tấn⁴ bằng 88,63% so mục tiêu kế hoạch; trong đó, tỷ trọng lúa chất lượng cao đạt 80%. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, thích ứng biến đổi khí hậu, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; chú trọng hơn vào sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích⁵; các hình thức liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ngày càng nhiều⁶...

Giai đoạn 2016 - 2020 chuyển đổi 32.864 ha trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản, đã mang lại hiệu quả kinh tế cao⁷. Xây dựng và duy trì được một số vùng cây ăn trái mang lại nguồn thu nhập khá cho nhà vườn với nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao (*xoài, sầu riêng, măng cụt, dứa, chuối, ...*). Hình hành phát triển vùng chuyên canh rau tập trung quanh các đô thị, khu du lịch như Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc; xây dựng và duy trì được một số vùng cây công nghiệp, cây ăn trái cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; đã có nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất rau, củ, quả và mô hình sản xuất rau, quả theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ đang phát triển trên địa bàn tỉnh.

Sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi được áp dụng rộng rãi, nhiều giống gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng tốt được đưa vào sản xuất, đã nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản xuất, tăng giá trị gia tăng⁸.

⁴ Các năm: 2016 là 728.435 ha – 4,161 triệu tấn; 2017 là 724.811 ha- 4,05 triệu tấn; 2018 là 727.397 ha – 4,27 triệu tấn; năm 2019 là 722.014 ha – 4,29 tấn; ước năm 2020 725.863 ha – 4,5 triệu tấn.

⁵ Giá trị sản xuất trên 01 đơn vị diện tích (01 ha) đất sản xuất nông nghiệp từ 78,22 triệu đồng/ha/năm năm 2015 tăng lên 100 triệu đồng/ha/năm vào năm 2020.

⁶ Tình hình triển khai xây dựng “Cánh đồng lớn”, đến nay toàn tỉnh có 100 cánh đồng lớn, diện tích 30.672 ha (*Hòn Đất, Gò Quao, Tân Hiệp, Kiên Lương, Giang Thành*). Có 21 doanh nghiệp, hộ kinh doanh liên kết sản xuất kinh doanh, hỗ trợ giúp cho nông dân ổn định đầu vào sản xuất và đầu ra sản phẩm.

⁷ Chuyển 32.864 trồng lúa sang cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản, trong đó: 10.290 ha tôm – lúa; 940 ha cây hàng năm và 15.524 ha diện tích lúa Mùa chuyển sang nuôi thủy sản.

⁸ Tổng đàn năm 2020: Tổng đàn heo 200.250 con, đạt 100,13% so kế hoạch năm 2020; đàn trâu 4.723 con, đạt 89,54% so kế hoạch; đàn bò 11.924 con, đạt 91,72% so kế hoạch, đàn gia cầm 4.389 ngàn con, đạt 73,15% so kế hoạch. Đến nay toàn tỉnh hiện có 2.856 hộ nuôi chim yến. Sản lượng yến sào thu hoạch ước đạt 17,136 tấn..

Chăn nuôi đã từng bước gắn với an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm; công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được tổ chức thực hiện thường xuyên; quản lý, giám sát dịch bệnh được thực hiện chặt chẽ từ cơ sở; công tác xử lý chất thải chăn nuôi được quan tâm, chú trọng và khuyến khích các hộ chăn nuôi thực hiện⁹.

Sản xuất thủy sản tiếp tục phát triển, giá trị sản xuất ngành thủy sản giai đoạn 2016 – 2020 tăng trưởng bình quân ước đạt 6,17%; đẩy mạnh tái cơ cấu lại lĩnh vực khai thác hải sản, tổ chức sắp xếp lại đội tàu khai thác hải sản theo hướng không tăng thêm số lượng tàu cá. Khai thác thủy sản đầu tư theo hướng giảm dần tàu thuyền có công suất nhỏ khai thác ven bờ, phát triển tàu có công suất lớn đánh bắt xa bờ, góp phần bảo vệ an ninh chủ quyền vùng biển quốc gia; chủ động xây dựng triển khai các giải pháp cấp bách nhằm khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định phù hợp với các quy định theo thông lệ quốc tế nhằm tiến tới chấm dứt tình trạng khai thác phép, không đăng ký, không khai báo, nhất là tình trạng tổ chức đưa tàu cá khai thác hải sản trái phép vùng biển nước ngoài của ngư dân Kiên Giang. Đã chú trọng tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức lại sản xuất trên biển và tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng, bảo quản và chế biến thủy sản; tổ chức lại khai thác hải sản. Tổng phương tiện khai thác thủy sản ước đạt 9.890 tàu, giảm 666 tàu so với năm 2016; tổng sản lượng khai thác thủy sản đạt 572.070 tấn, đạt 115,57% kế hoạch. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP¹⁰ của Chính phủ về chính sách phát triển thủy sản¹¹.

Phát triển nhanh hình thức nuôi tôm bán thâm canh, thâm canh, công nghiệp, nuôi cá lồng bè, mô hình thủy sản trên biển. Từng bước áp dụng khoa học công nghệ trong nuôi tôm để chuyển từ nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến sang nuôi tôm công nghiệp - bán công nghiệp vùng Tứ giác Long Xuyên; nâng cao năng suất tôm lúa vùng U Minh Thượng. Đẩy mạnh ứng dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt theo tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia trong nuôi tôm như thực hành sản xuất tốt (GAP), thực hành sản xuất tốt toàn cầu (GlobalGAP) và theo tiêu chuẩn Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản của Châu Âu (ASC)...nhằm đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản của tỉnh. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 264.105 tấn, bằng 99,47% kế hoạch, trong đó, tôm nuôi đạt 92.490 tấn, đạt 115,61% kế hoạch và tăng 1,7 lần so với năm 2015.

⁹ Đến nay, có 99 cơ sở giết mổ gia súc tập trung, kiểm soát giết mổ trên 90%, tăng 20% so với năm 2015.

¹⁰ Nay thay bằng Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

¹¹ Đến nay, các ngân hàng đã cho vay đóng mới và nâng cấp 48 tàu (đóng mới 44 tàu, nâng cấp 4 tàu), đến nay đã giải ngân gần 333 tỷ đồng. Hỗ trợ mua bảo hiểm cho 3.640 tàu và 28.889 thuyền viên với số tiền là 160 tỷ đồng.



Về phát triển lâm nghiệp: Công tác trồng cây, trồng rừng được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt; công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng được tiến hành thường xuyên. Các trường hợp khai thác lâm sản trái phép được xử lý kịp thời. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng được quan tâm chỉ đạo, thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ. Khoán bảo vệ rừng vẫn được duy trì mức 4.000 ha/năm, trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng¹², trồng rừng sản xuất và trồng cây phân tán từng bước được phục hồi. Đến nay, toàn tỉnh có 26 dự án cho thuê môi trường rừng và liên doanh liên kết, cho thuê môi trường rừng kết hợp du lịch sinh thái gắn với quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 12,01%, đạt kế hoạch.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới được triển khai đồng bộ, tích cực. Đến nay, toàn tỉnh có 79/117 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 67,52% tổng số xã; huyện Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới và tiến tới công nhận thêm 02 huyện (Giồng Riềng, Gò Quao) đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân toàn tỉnh đạt 17,6 tiêu chí/xã, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn 50 triệu đồng/người/năm.

b) Sản xuất công nghiệp phát triển khá

Sản xuất công nghiệp được khôi phục, đổi mới, hướng đến gia tăng hàm lượng công nghệ, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm theo chuỗi giá trị ngành hàng (*lúa gạo, thủy sản chế biến, ...*), gắn với phát triển sản phẩm mới (*bia, gỗ MDF, may mặc, giày da, ...*) góp phần duy trì phát triển toàn ngành trong tình hình có nhiều khó khăn, thách thức.

Cơ cấu sản xuất trong ngành chưa có thay đổi nhiều, nhưng trong nội bộ từng lĩnh vực phân ngành đã có sự chuyển dịch bù đắp lẫn nhau theo chiều sâu về hàm lượng khoa học - kỹ thuật cao, quy mô sản xuất được mở rộng đến vùng nguyên liệu, nhiều cơ sở chế biến được hình thành gắn với vùng nguyên liệu liên kết tiêu thụ (*lúa gạo, gỗ MDF, ...*).

Tuy ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động lớn đến hoạt động sản xuất trên địa bàn toàn tỉnh trong năm 2020 dẫn đến hoạt động sản xuất công nghiệp toàn tỉnh bị kéo chậm lại, tình trạng thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu sản xuất, cắt giảm giờ làm nhân công... gây ra khó khăn cho doanh nghiệp trong khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nhưng nhìn chung, các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh như dệt may, bia, gỗ, chế biến thủy sản, lúa gạo vẫn giữ vững tốc độ tăng trưởng. Trong giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng bình quân 7,62%/năm¹³.

¹² Năm 2016 là 1.240 ha, năm 2017 là 400 ha, năm 2018 là 81 ha

¹³ Kế hoạch 2016 – 2020 tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân là 12%/năm



Hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu được quan tâm đầu tư hoàn chỉnh. Hiện nay, đang khai thác cửa khẩu quốc tế Hà Tiên và cửa khẩu quốc gia Giang Thành; khu công nghiệp Thuận Yên (Hà Tiên) tỷ lệ lấp đầy đạt 25,84%, khu công nghiệp Thạnh Lộc (Châu Thành) tỷ lệ lấp đầy (giai đoạn 1) đạt 67,43%; có 3 cụm công nghiệp đang phát triển như: Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam, cụm Công nghiệp Đông Bắc Vĩnh Hiệp; cụm công nghiệp Hà Giang¹⁴.

Môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cùng với nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định và phát triển sản xuất, thu hút thêm nhiều dự án đầu tư mới giúp tăng quy mô, năng lực và sức cạnh tranh của sản phẩm, trong đó có một số dự án lớn trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, tạo ra năng lực mới cho tăng trưởng công nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn tiếp theo¹⁵.

c) Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, tài chính đạt kết quả khá; xuất khẩu được đẩy mạnh; du lịch phát triển nhanh, trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh

Thương mại – dịch vụ duy trì phát triển khá: Hoạt động kinh doanh thương mại trên địa bàn phong phú và đa dạng, hàng hóa trên thị trường tiếp tục phát triển tốt. Hạ tầng ngày càng mở rộng, hệ thống chợ truyền thống, chợ chuyên doanh được sắp xếp lại, hoạt động đi vào nề nếp cùng với sự hình thành của các hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích,... với phong cách phục vụ văn minh, giá cả minh bạch, được người tiêu dùng tin tưởng. Mặc dù thị trường có nhiều biến động nhưng các doanh nghiệp đã linh hoạt thích ứng, vượt qua khó khăn, cung ứng hàng hoá đáp ứng theo các yêu cầu ngày càng cao của thị trường, góp phần thúc đẩy tổng mức bán lẻ hàng hoá, dịch vụ và tiêu dùng đạt 10,62%/năm¹⁶.

Tuy ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong những tháng đầu năm 2020 đã tác động nghiêm trọng đến việc xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trong tỉnh (*phải tạm ngưng một thời gian*).

Hoạt động xuất khẩu tiếp tục được đẩy mạnh, hàng hóa của tỉnh đã xuất khẩu sang 35 quốc gia và vùng lãnh thổ với kim ngạch xuất khẩu đạt 700 triệu USD. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn như: Thủy sản 222 triệu USD; Nông sản 238 triệu USD, giày da 122 triệu USD....

¹⁴ Theo Quy hoạch trên địa bàn tỉnh có 5 khu công nghiệp và 6 cụm công nghiệp.

¹⁵ Khu công nghiệp Thạnh Lộc đã thu hút 25 dự án đăng ký đầu tư, diện tích đăng ký 79,77ha; có 9 dự án đi vào hoạt động như: Nhà máy Chế biến gỗ MDF VPG Kiên Giang; Nhà máy Bia Sài Gòn – Kiên Giang, giày TBS, giày Hàn Quốc ..; Khu công nghiệp Thuận Yên đã tiếp nhận 2 dự án đăng ký đầu tư, diện tích 72,46ha.

¹⁶ Kế hoạch tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 15%/năm.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2020 ước đạt 120 triệu USD, tăng bình quân 12,58%/năm, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng phục vụ sản xuất và máy móc thiết bị để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp.

Phát triển du lịch có nhiều bước tiến đáng kể: Các doanh nghiệp du lịch, cơ sở lưu trú, điểm du lịch tăng cường đầu tư cơ sở vật chất; chú trọng đào tạo nhân lực ngành du lịch; nâng cao chất lượng phục vụ; đa dạng hoá các sản phẩm du lịch; tăng cường liên kết hợp tác phát triển với các tỉnh, thành trong và ngoài nước. Các hoạt động quảng bá, xúc tiến được triển khai mạnh mẽ; tổ chức thành công nhiều sự kiện và thu hút nhiều dự án đầu tư du lịch với một số dự án đã đi vào hoạt động hiệu quả, tạo sức hút lớn đối với du khách trong nước và quốc tế¹⁷. Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch được đầu tư nâng cấp và phát triển với một số công trình rất quan trọng như sân bay, cảng biển, hệ thống cấp điện, cấp nước sạch, hệ thống giao thông đường bộ.... Các chỉ tiêu về lượt khách, doanh thu liên tục tăng trưởng, góp phần giải quyết việc làm tăng thu nhập cho người lao động. Đến năm 2019, lượng khách ước đạt 8,78 triệu lượt khách; tuy nhiên trong năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tổng lượt khách chỉ còn đạt 5,2 triệu lượt khách (*trong đó, khách quốc tế 184.952 lượt khách*); doanh thu ước đạt 7.867 tỷ đồng. Năm 2020, có 820 cơ sở lưu trú với 24.960 phòng, tăng 15.212 phòng so với năm 2015; có khoảng 12.000 lao động trực tiếp trong ngành du lịch.

Tài chính, ngân hàng và thu chi ngân sách: Nhiều chính sách tín dụng, tiền tệ được triển khai thực hiện, hoạt động ngân hàng được đảm bảo an toàn, hiệu quả, đưa nhanh dòng vốn vào sản xuất, kinh doanh, đồng hành cùng doanh nghiệp, nông dân vượt qua khó khăn, phát triển sản xuất. Trong giai đoạn 2016 – 2020, hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng trưởng. Tổng nguồn vốn hoạt động tăng bình quân 15,73%/năm; trong đó, huy động vốn tại chỗ tăng trưởng bình quân 14,28%/năm. Dự nợ cho vay tăng trưởng bình quân 17,79% năm¹⁸, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu hàng năm dưới 3%, góp phần cải thiện thanh khoản của hệ thống ngân hàng, giảm mặt bằng lãi suất, mở rộng tăng trưởng tín dụng nhằm hỗ trợ thị trường, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh. Nguồn vốn tín dụng tập trung chủ yếu vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của địa phương như: cho vay nông nghiệp, nông thôn, sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa...¹⁹.

¹⁷ Tổ chức thành công các sự kiện trong chương trình Năm Du lịch Quốc gia 2016 – Phú Quốc – Đồng bằng Sông Cửu Long, cuộc thi hoa hậu và liên hoan âm thực,... tạo được tiếng vang và uy tín cho du lịch Kiên Giang. Đến nay, tỉnh đã thu hút 305 dự án đầu tư du lịch, với tổng diện tích 10.381 ha, tổng vốn đầu tư 338.373 tỷ đồng.

¹⁸ Ước đến 2020, tổng nguồn vốn hoạt động là 104.000 tỷ đồng, gấp 2,07 lần năm 2015; trong đó, vốn huy động tại chỗ là 53.900 tỷ đồng, gấp 1,91 lần năm 2015; dự nợ cho vay đạt 86.850 tỷ đồng, gấp 2,25 lần năm 2015.

¹⁹ Ước đến năm 2020, dự nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 42.900 tỷ đồng, chiếm 49,4% tổng dự nợ, tăng 91,31% so năm 2015; dự nợ cho vay sản xuất hàng xuất khẩu 5.900 tỷ đồng, chiếm 6,79% tổng dự nợ, tăng

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công, đảm bảo nền tài chính địa phương an toàn, bền vững. Kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng trưởng khá, hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu được giao... Trong giai đoạn 2016 – 2020, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 49.807,06 tỷ đồng, tăng 24,3% so kế hoạch đầu kỳ. Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2016 – 2020 hàng năm đạt 11,55% GRDP. Trong đó, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2020 đạt 11.540 tỷ đồng, tăng 2,9 lần so với năm 2015²⁰.

Chi cân đối ngân sách nhà nước có sự chuyển dịch tích cực, tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng, chi thường xuyên có xu hướng giảm. Ước tổng chi cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 – 2020 là 59.788,513 tỷ đồng²¹, tăng 6,5% so với kế hoạch. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 16.992,624 tỷ đồng; chi thường xuyên 41.977,795 tỷ đồng.

Kinh doanh vận tải có bước phát triển khá, đã đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân, đặc biệt những dịp tết và lễ hội, mùa tham quan du lịch hàng năm. Hệ thống giao thông được đầu tư nâng cấp; mạng lưới xe buýt được mở rộng. Khối lượng vận tải hàng hoá và hành khách đều tăng cao; ước thực hiện giai đoạn 2016-2020, khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 4,11%/năm (theo tấn) và số lượt hành khách vận chuyển tăng 6,02%/năm. Doanh thu vận tải tăng trưởng bình quân đạt 8,24%/năm.

Dịch vụ thông tin liên lạc trong tỉnh phát triển khá nhanh, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin liên lạc trong quản lý, kinh doanh và đời sống xã hội. Các dịch vụ bưu chính cơ bản được triển khai đến tận vùng sâu, biên giới, hải đảo, 100% xã, phường có điểm phục vụ bưu chính. Dịch vụ điện thoại cố định và di động đã được phủ sóng toàn tỉnh. Tính đến năm 2020, mật độ thuê bao trên địa bàn (bao gồm cả cố định và di động) đạt 116,6 thuê bao/100dân. Nhìn chung, dịch vụ thông tin truyền thông trong tỉnh phát triển nhanh, theo kịp với những tiến bộ về công nghệ của cả nước nhưng do trình độ phát triển kinh tế chưa cao nên nhu cầu sử dụng các dịch vụ trong tỉnh vẫn còn hạn chế, thị trường dịch vụ thông tin vẫn còn ở mức tiềm năng.

d) Huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội

Hệ thống kết cấu hạ tầng có bước phát triển, cơ bản đáp ứng yêu cầu, là tiền đề quan trọng để các địa phương hoàn thành xây dựng nông thôn mới; các đô thị được nâng cấp, mở rộng.

89,35% so năm 2015; dư nợ cho vay DNNVV đạt 12.100 tỷ đồng, chiếm 13,93% tổng dư nợ, tăng 20,25% so năm 2015.

²⁰ Năm 2015 thu ngân sách 6.720 tỷ đồng.

²¹ Không bao gồm từ nguồn Trung ương hỗ trợ, chi chuyển nguồn và chi bổ sung ngân sách cấp dưới.

Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2016 - 2020 đến nay cơ bản đã và đang được triển khai theo đúng kế hoạch. Các cấp, các ngành đã chủ động, tích cực trong khai thác các nguồn vốn, đặc biệt là công tác vận động thu hút vốn ODA. Công tác thu hút nguồn lực xã hội hoá có nhiều chuyển biến tích cực trong lĩnh vực giáo dục, y tế, môi trường,... tổng vốn huy động toàn xã hội trong 5 năm 2016 - 2020 ước đạt 226.501,8 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 5,52%/năm, chiếm 53,47% GRDP, chưa đạt kế hoạch; trong đó, vốn ngân sách nhà nước là 25.323,7 tỷ đồng, chiếm 11,37% tổng vốn huy động; vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp ngoài quốc doanh đạt 167.876,24 tỷ đồng, chiếm 75,39%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm (FDI) đạt 1.937,19 tỷ đồng, chiếm 0,87%.

Bằng các nguồn vốn Trung ương và tỉnh, triển khai từng phần các công trình trong danh mục đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh như: dự án đường Lộ Tê - Rạch Sỏi²²; đường ven biển Rạch Giá – Hòn Đất, Rạch Giá - Châu Thành, Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc Đảo; đường tỉnh ĐT.963B (*Bến Nhứt - Giồng Riềng*); cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc; cảng hành khách Rạch Giá và hoàn thành đưa vào khai thác 120/286 km đường tỉnh, đạt 41,96% kế hoạch; 87/187 km hệ thống đường huyện, thành phố và hạ tầng du lịch, đạt 46,52% kế hoạch. Các tuyến đường huyện và giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư đồng bộ gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là 6.359/7.084 km đạt 89,77% kế hoạch²³.

Đã triển khai đầu tư hoàn thành phát triển lưới điện vùng lõm cho các huyện tiếp giáp biên, một phần của dự án cấp điện cho đồng bào dân tộc Khmer²⁴. Đã triển khai hoàn thành các dự án cấp điện cho các xã đảo như: Dự án đường dây 22kV cấp điện cho xã đảo Lại Sơn, huyện Kiên Hải, dự án cấp điện lưới Quốc gia cho xã đảo Hòn nghệ và xã đảo Sơn Hải, huyện Kiên Lương, dự án cấp điện lưới Quốc gia cho xã đảo Tiên Hải, thành phố Hà Tiên, xã đảo Hòn Thơm, huyện Phú Quốc,... Triển khai đầu tư 43,92 km đường dây 110 kV, 647,6 km đường dây trung thế, 682,47 km đường dây hạ thế, tổng dung lượng trạm biến áp lắp đặt 78.468 KVA; đường dây 220 KV mạch kép Kiên Bình - Phú Quốc, dự án trạm biến áp 220 KV Phú Quốc. Qua đó, đã đáp ứng kịp thời nhu cầu về điện cho sản xuất lúa và nuôi tôm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và góp phần tăng tỷ lệ sử dụng điện toàn tỉnh hiện nay đạt 99,5% vượt kế hoạch²⁵.

²² Dự án đường Lộ Tê - Rạch Sỏi với tổng vốn là 2.690 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách Trung ương là 300 tỷ đồng, vốn vay ODA là 2.390 tỷ đồng) dự kiến sẽ thông xe kỹ thuật trong năm 2020.

²³ Kế hoạch giao thông 80% .

²⁴ Giồng Riềng, Hòn Đất, Gò Quao, An Biên, An Minh, Kiên Hải

²⁵ Kế hoạch đến năm 2020 tỷ lệ sử dụng điện toàn tỉnh là 99%



Cơ sở hạ tầng sản xuất từng bước được đầu tư hoàn thiện, đã triển khai thực hiện nhiều dự án. Xây dựng 117 hệ thống công trên đê, 2.704 km kênh mương được kiên cố hóa, 609 công trình thủy lợi được cải tạo, nâng cấp và 1.252 trạm bơm được xây dựng. Hệ thống thủy lợi cơ bản hoàn thành, hệ thống kênh thoát lũ dẫn ngọt Vùng Tứ giác Long Xuyên và Tây Sông Hậu đáp ứng tưới tiêu, ngăn mặn để sản xuất 2 vụ lúa ổn định. Đã hoàn thành đưa vào sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Hòn Tre, huyện Kiên Hải, khu neo đậu và tránh trú bão cho tàu cá Linh Huỳnh, cảng cá Xẻo Nhàu; nâng cấp cảng cá An Thới. Đang triển khai thi công nâng cấp cảng cá Tắc Cậu, khu neo đậu tránh trú bão Gành Dầu, khu neo đậu tránh trú bão cửa sông Cái Lớn, Cái Bé, khu neo đậu tránh trú bão kết hợp nâng cấp cảng cá Thổ Châu giai đoạn 1²⁶. Về cơ bản dịch vụ hậu cần nghề cá đã đáp ứng được nhu cầu trong giai đoạn hiện nay.

Mạng lưới đô thị của tỉnh tiếp tục được mở rộng, phát triển, định hình rõ nét. Công tác quy hoạch tạo cơ sở để kế hoạch hóa đầu tư, phân bổ nguồn lực góp phần định hướng đầu tư và hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng đô thị, phục vụ cho công tác mở rộng, tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 ước đạt 28,76%.

Triển khai Chương trình phát triển đô thị tỉnh Kiên Giang, đến nay đã phát triển được 02 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 01 đô thị loại IV, 10 đô thị loại V, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác cấp và quản lý nước sạch được đầu tư nâng cấp về mạng lưới bao phủ và chất lượng nước bảo đảm đồng bộ theo tốc độ mở rộng đô thị, tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch đến cuối năm 2020 ước đạt 88% và 92% chất thải rắn ở đô thị được thu gom, chất lượng cuộc sống khu vực thành thị ngày càng được nâng cao; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,9% (trong đó, tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch là 60,73%).

đ) Phát triển vùng được chú trọng, khai thác tiềm năng thế mạnh kinh tế biển

- Tập trung thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo kinh tế - xã hội phát triển toàn diện. Trong thời gian qua, việc điều hành kinh tế - xã hội nhìn chung tuân thủ theo những nội dung đã được định hướng trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; Quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu cấp tỉnh²⁷.

²⁶ các dự các này dự kiến hoàn thành năm 2020.

²⁷ Đến nay, toàn tỉnh có 54 quy hoạch đã được phê duyệt, trong đó 40 quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu và 15 quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, thành phố.

Nội dung của các quy hoạch đã được cụ thể hóa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công hằng năm, 05 năm của tỉnh; đảm bảo điều hành phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch đã được đề ra, nâng cao công tác kế hoạch hằng năm.

- *Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng kinh tế và tăng cường sự liên kết để cùng phát triển*: Các vùng kinh tế của tỉnh phát triển đúng hướng, Vùng Tứ giác Long Xuyên phát triển du lịch, dịch vụ cảng biển và chế biến nông thủy sản xuất khẩu. Vùng Tây Sông Hậu phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, cơ khí và dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Vùng U Minh Thượng phát triển nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái. Vùng biển đảo phát triển khá mạnh các loại hình dịch vụ - du lịch thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến với tỉnh, nhất là Phú Quốc. Hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh Kiên Giang và tỉnh Hậu Giang, liên kết mô hình sản xuất nông nghiệp trên cơ sở thỏa thuận, hợp đồng gắn với chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng, các chương trình, dự án liên kết vùng và có tính chất vùng thuộc lĩnh vực nông nghiệp, giao thông, thủy lợi²⁸... Triển khai thực hiện đề án liên kết phát triển bền vững Tiểu vùng bán đảo Cà Mau nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế về sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- *Khai thác tiềm năng phát triển kinh tế biển*. Công tác tuyên truyền, nhận thức và hưởng ứng về tầm quan trọng của chiến lược biển được quan tâm chú trọng, tạo được sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ và Nhân dân. Công tác quy hoạch, phát triển đô thị biển, ven biển, quản lý tài nguyên, môi trường ven biển, hải đảo được tăng cường. Các ngành nghề khai thác, nuôi trồng ven biển và hải đảo tăng về sản lượng và giá trị. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp như: các cảng biển, sân bay, đường hành lang ven biển, khu neo đậu tàu,... đặc biệt là sự phát triển của các đô thị ven biển, đảo đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư chiến lược, các dự án du lịch quy mô lớn được hoàn thành đưa vào khai thác.

Đời sống của Nhân dân ven biển, trên các đảo từng bước được cải thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được ổn định. Nhìn chung, kinh tế biển của tỉnh có bước phát triển khá toàn diện, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng đóng góp cao trong sự phát triển, tăng trưởng kinh tế chung của toàn tỉnh. Tăng trưởng kinh tế biển chiếm 80% GRDP toàn tỉnh, thu nhập bình quân đầu người gấp 1,25 lần so với thu nhập bình quân toàn tỉnh²⁹.

²⁸ Các công: Kênh Nhánh, T3-Hòa Điền, Vàm Bà Lịch, Rạch Tà Niên; Rạch Giá-Hà Tiên, sông Cái Sắn

²⁹ Kế hoạch 2020, GRDP kinh tế biển chiếm 74%.

e) Môi trường đầu tư được cải thiện; các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển

Công tác xúc tiến thương mại, đầu tư chuyển biến tích cực, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp được quan tâm thực hiện, đã tạo động lực cho nhiều doanh nghiệp mới thành lập, tăng quy mô, năng lực và sức cạnh tranh của sản phẩm³⁰.

Các doanh nghiệp nhà nước từng bước được cơ cấu lại tập trung vào ngành nghề kinh doanh và nhiệm vụ chính trị được giao, thực hiện cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư ngoài chính theo lộ trình³¹.

Công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh không ngừng được quan tâm chỉ đạo, trong thực hiện cải cách hành chính, cải tiến phương thức làm việc, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, tạo lập nhiều kênh thông tin kết nối với doanh nghiệp³²; tổ chức họp mặt doanh nghiệp, hội nghị chuyên đề để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh,... góp phần thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước (Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Nga ...) đến tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư vào các lĩnh vực mà tỉnh có ưu thế và kêu gọi đầu tư (nông nghiệp, thủy sản, du lịch, dịch vụ,...), đảm bảo phù hợp với định hướng tái cơ cấu nền kinh tế của tỉnh³³.

Năm 2019, chỉ số PCI của tỉnh được 64,99 điểm, xếp hạng 35/63 tỉnh, thành (*nhóm khá*) và đứng thứ 7/13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long³⁴.

Hoạt động thúc đẩy khởi nghiệp được triển khai rộng khắp tại các địa phương và lan tỏa đến các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động tuyên truyền và hỗ trợ khởi nghiệp được phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đi vào chiều sâu.

³⁰ Ước tính giai đoạn 2016-2020, có 7.175 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng vốn đăng ký là 130.042 tỷ đồng; có khoảng 1.431 doanh nghiệp giải thể. Lũy kế đến cuối năm 2020, có trên 10.000 doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế.

³¹ Đến nay, trên địa bàn tỉnh còn 2 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là: Công ty TNHH MTV Xổ số Kiên Giang; Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang (Cty MTV Cấp thoát nước Kiên Giang thực hiện theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 về phê duyệt danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa đến năm 2020).

³² Các kênh thông tin kết nối tiếp nhận và xử lý phản ánh: Cổng thông tin điện tử, đường dây nóng, hộp thư điện tử... xây dựng Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện (DDCI) và tiến hành đánh giá chất lượng điều hành của các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thành phố.

³³ Từ năm 2016 – 2020, thu hút 209 dự án được cho cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký 132.992 tỷ đồng (trong đó có 22 dự án FDI vốn đăng ký là 30.736,832 tỷ đồng), nâng tổng số dự án trên địa bàn đến nay là 796 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là 540.660,6 tỷ đồng, trong đó: có 55 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký trên 2,762 tỷ USD, tổng vốn thực hiện trên 560 triệu USD; có 396 dự án đang hoạt động.

³⁴ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (CPI) tỉnh Kiên Giang xếp hạng qua các năm: 2015 là 11; 2016 là 13; năm 2017 là 20; năm 2018 là 31, năm 2019 là 35.

Kinh tế hợp tác tiếp tục củng cố phát triển với hình thức hợp tác xã và tổ hợp tác³⁵, thúc đẩy triển khai các mô hình sản xuất tiên tiến, liên kết với các nhà vựa, doanh nghiệp thực hiện khép kín từ khâu cung ứng vật tư đầu vào, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, hình thành vùng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản lý, điều hành, nghiệp vụ chuyên môn của lực lượng hợp tác xã, đáp ứng tốt theo yêu cầu, nhiệm vụ mới.

g) Coi trọng quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tăng cường điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng, trữ lượng các nguồn tài nguyên. Kiểm soát chặt chẽ hơn các hoạt động khai thác tài nguyên; kiểm tra, giám sát về môi trường. Cơ bản bảo đảm cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, nhất là ở các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư³⁶.

Triển khai thực hiện khá tốt kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng theo tinh thần Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ; rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng các đô thị ven biển phù hợp với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Chủ động triển khai nhiều giải pháp phòng, chống lũ lụt, hạn hán, sạt lở bờ sông, bãi biển, triều cường, xâm nhập mặn; ý thức bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong cộng đồng được nâng lên.

Tuy nhiên, kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh và còn nhiều khó khăn, thách thức. Trong nông nghiệp đầu tư cho phát triển còn ít, nên tái cơ cấu còn chậm, chủ yếu phát triển theo chiều rộng, chất lượng sản phẩm không cao, sức cạnh tranh trên thị trường thấp, các hình thức liên kết, tiêu thụ nông sản hàng hóa chưa bền vững, hiệu quả chưa cao; ngành thủy sản phát triển chưa hợp lý, khai thác chiếm tỷ lệ cao (trên 70%), chất lượng hải sản khai thác và giá trị gia tăng thấp; chưa thực hiện tốt các quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Kinh tế biển chưa phát huy hiệu quả đúng tầm, nguồn lợi kinh tế ven biển khai thác chưa hiệu quả; cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư phát triển hạ tầng vùng biển, ven biển còn hạn chế. Sự phát triển từng vùng kinh tế chưa có bước đột phá, liên kết trong nội bộ và liên kết vùng còn lỏng lẻo. Công nghiệp quy mô nhỏ, chậm phát triển, chủ yếu vẫn là gia công, sơ chế; việc đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp triển khai thực hiện còn chậm.

³⁵ Đến năm 2020: ước tính toàn tỉnh có 461 hợp tác xã với hơn 52.935 thành viên; 2.228 tổ hợp tác với 46.069 thành viên.

³⁶ Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 92%, chất thải rắn y tế đạt trên 95%.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển. Chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, nhưng chưa đủ nguồn lực để thực hiện các biện pháp phòng, chống hiệu quả; môi trường nhiều nơi bị ô nhiễm, nhất là rác thải, nước thải, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững. Doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân có quy mô nhỏ, trình độ công nghệ thấp, năng lực quản trị, năng lực tài chính còn yếu.

2. Thực hiện ba khâu đột phá và các chương trình, dự án trọng điểm có chuyển biến tích cực

- Công tác phát triển nguồn nhân lực được tăng cường. Ban hành nhiều chính sách thu hút lao động chất lượng cao, có trình độ đại học, sau đại học, chuyên môn sâu ở các lĩnh vực quan trọng, mũi nhọn của tỉnh. Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ đạt chuẩn và nâng cao trình độ (đến nay cán bộ cấp cơ sở đạt chuẩn 94,25%, cấp huyện 97,98%, cấp tỉnh 98,72%).

Trình độ dân trí từng bước được nâng cao, số người có trình độ từ đại học trở lên, chiếm 2,5% dân số. Đào tạo nguồn nhân lực xã hội được quan tâm, nâng lên tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 57% năm 2016 lên 67% năm 2020, trong đó, tỷ lệ đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ từ 46,5% lên 50%, đạt Nghị quyết; lao động sau đào tạo có việc làm đạt 84%.

Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính được chú trọng và đạt kết quả tích cực. Tỷ lệ trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng và trước hạn ngày càng tăng lên. Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước nâng lên trình độ, năng lực, trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân, góp phần cải thiện một bước môi trường đầu tư, tạo thuận lợi hơn cho tổ chức và người dân.

- Tranh thủ mọi nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ. Đã ưu tiên bố trí ngân sách địa phương, tranh thủ hỗ trợ của Trung ương và huy động các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển hệ thống giao thông của tỉnh. Nhiều tuyến đường giao thông trọng điểm, kết nối với các địa phương trong tỉnh được đầu tư xây dựng. Nhờ vậy, hạ tầng giao thông đường bộ chuyển biến tích cực, từng bước kết nối với hệ thống giao thông quốc gia. Hệ thống đường huyện, thành phố đã triển khai đầu tư xây dựng đạt 69,26% kế hoạch; 100% xã trong đất liền có đường ô tô đến trung tâm; 80,4% đường liên xã và 84,38% đường ấp, liên ấp được bê tông hóa hoặc nhựa hóa. Cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa của nhân dân, thúc đẩy kinh tế-xã hội không ngừng phát triển.



- Tập trung phát triển huyện đảo Phú Quốc theo quy hoạch, phối hợp xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo mọi điều kiện thuận lợi và môi trường đầu tư thông thoáng, đã thu hút được một số nhà đầu tư lớn có năng lực đầu tư khai thác tiềm năng, thế mạnh của Phú Quốc, nhất là về phát triển du lịch dịch vụ. Hiện nay, Phú Quốc phát triển rất nhanh và hiệu quả theo quy hoạch, thật sự đã trở thành động lực phát triển của tỉnh.

Xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn Phú Quốc được đẩy mạnh, xác định là khâu đột phá trong phát triển đảo Phú Quốc. Nhiều công trình trọng điểm được mở rộng và triển khai đưa vào sử dụng như cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, cảng biển quốc tế An Thới, hệ thống giao thông đường bộ trên đảo, cảng hành khách quốc tế Dương Đông, điện lưới quốc gia... Công tác thu hút đầu tư trong và ngoài nước được đẩy mạnh. Giao thông vận tải nội vùng và hàng không quốc tế được tập trung đầu tư mạnh, tạo kết nối liên thông trong và ngoài nước. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được tăng cường, chú trọng đào tạo lao động phục vụ ngành du lịch.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện một số khâu đột phá và chương trình, dự án trọng điểm còn hạn chế.

- Công tác phát triển nguồn nhân lực có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, thu hút nguồn lực còn khó khăn. Chỉ tiêu đào tạo sau đại học bậc tiến sĩ, thạc sĩ ở một số ngành đạt tỷ lệ thấp; cơ cấu đào tạo ngành nghề còn mất cân đối và thiếu đồng bộ, đào tạo nghề chưa gắn với nhu cầu sử dụng lao động. Cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chỉ số cải cách hành chính tăng chậm; chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh bị sụt giảm qua từng năm.

- Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, hệ thống kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất, cảng biển, dịch vụ hậu cần nghề cá, du lịch... chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, nhất là lưu thông hàng hóa, kết nối với Quốc lộ 1A và liên kết vùng. Là tỉnh có vùng biển rộng lớn, nhưng chưa có cảng biển nước sâu nên khó khăn trong thu hút đầu tư...

- Mặc dù huyện đảo Phú Quốc phát triển nhanh, nhưng vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Nguồn vốn đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thiết yếu phục vụ yêu cầu phát triển của huyện từ ngân sách còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ. Công tác quản lý đất đai, quản lý rừng, quản lý quy hoạch, xây dựng từng lúc chưa thật chặt chẽ, có lúc diễn biến phức tạp. Nguồn nhân lực phát triển chậm, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp. Công tác bảo vệ môi trường từng lúc chưa được quan tâm đúng mức.



3. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

a) Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao chất lượng

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI. Việc duy trì kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục đạt kết quả tốt³⁷. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và dạy học ngày càng phổ biến, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông duy trì ở mức cao³⁸.

Công tác khuyến học, khuyến tài được các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư, doanh nghiệp tích cực tham gia, tạo bước chuyển mới trong phát triển nhân tài của địa phương.

Việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, hành vi ứng xử, định hướng nghề nghiệp cho học sinh đã đạt kết quả bước đầu khả quan, tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khoá như khởi nghiệp, tích hợp dạy nghề trong các môn học có liên quan. rà soát các cơ sở giáo dục, huy động tốt sự tham gia đóng góp của toàn xã hội và quan tâm đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp theo hướng tăng quy mô, giảm điểm lẻ, hoàn thiện quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

Công tác hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và trung cấp được tập trung thực hiện. Công tác dạy nghề từng bước đổi mới, gắn kết với nhu cầu thực tế của địa phương, doanh nghiệp và thị trường lao động, đảm bảo người lao động có việc làm phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo.

Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT tiếp tục được quan tâm; khuyến khích giáo viên lồng ghép giáo dục định hướng nghề nghiệp cho các em³⁹.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được đầu tư theo hướng chuẩn hoá. Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn từng bước được sắp xếp phù hợp với thực tế các địa phương⁴⁰.

³⁷ Tỷ lệ huy động học sinh từ 6 – 14 tuổi đi học so với độ tuổi đạt 97,01%. Trong đó, tỷ lệ huy động trẻ em đi học theo độ tuổi đến năm 2020: 67,8% trẻ em học mẫu giáo; tiểu học là 97,56%; trung học cơ sở là 97,08%; trung học phổ thông là 50,79%.

³⁸ Tỷ lệ thi đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông: năm học 2015-2016 đạt 90,81%; năm học 2016-2017 đạt 96,52%; năm học 2017-2018 đạt 97,88%; năm học 2018-2019 đạt 94,72%, năm học 2019-2020 đạt 99,4%.

³⁹ Hàng năm có khoảng 6,2% học sinh tốt nghiệp THCS vào học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên; 20,5% học sinh tốt nghiệp THPT vào học các trường Cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

⁴⁰ Năm học 2020-2021, toàn ngành có 646 đơn vị, trường học (MN 159, TH 268, PTCS 56, THCS 110, THCS và THPT 29, THPT 23, TT.GDTEX 01); với 10.841 lớp.

Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các ngành học, cấp học đều tăng năm sau cao hơn năm trước⁴¹. Từng bước sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo hướng tăng quy mô, giảm điểm lẻ, giảm bớt đầu mối trung gian và biên chế gián tiếp... khắc phục tình trạng thiếu biên chế kéo dài, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục đảm bảo tính ổn định, bền vững⁴².

b) Công tác dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

Chất lượng dân số được cải thiện và duy trì, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 6,42‰; công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được quan tâm, giảm tỷ suất tử vong ở mức thấp, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng được kéo giảm 12,4%, trên 95% trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng vắc xin (cơ bản) đầy đủ. Nhiều giải pháp về nâng cao chất lượng khám chữa bệnh đã được triển khai tích cực và đồng bộ⁴³ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt trên 94,5%; 90% trạm y tế xã có bác sĩ hoạt động.

Nguồn nhân lực y tế được cải thiện và bổ sung; phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế ngày càng được đổi mới hướng tới sự hài lòng của người bệnh, tạo thuận lợi cho mọi người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Đến năm 2020 có 8,95 bác sĩ/vạn dân và 30,83 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,02%⁴⁴; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 11,43%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 8,78%.

Hệ thống y tế dự phòng phát triển đảm bảo năng lực dự báo, giám sát, phát hiện và phòng chống dịch bệnh; đã ngăn chặn và kiểm soát thành công, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi xảy ra trên địa bàn tỉnh; cơ cấu các bệnh truyền nhiễm ổn định; đối với các dịch bệnh theo mùa và dịch bệnh lưu hành tại địa phương, tỷ lệ mắc bệnh đều giảm.

⁴¹ Ước tính đến năm 2020, toàn tỉnh hiện có 297 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 46,47%. Có 145/145 xã phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học (11/145 xã đạt mức độ 2, 134/145 xã đạt mức độ 3). Năm 2016 đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

⁴² Theo Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2009/QH12, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13 thì đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (không tính dạy nghề) toàn tỉnh đạt chuẩn trở lên 100%, trong đó, trên chuẩn Mầm non 76,92%, Tiểu học 94,58%, THCS 85,47%, THPT 12%; GDTX: 12,5%. Tuy nhiên so với Luật Giáo dục mới có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 thì tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn như sau: Mầm non 23,08%; Tiểu học 11,79%; THCS 14,53%.

⁴³ như cải tiến quy trình khám chữa bệnh để giảm thời gian chờ đợi của bệnh nhân, tăng thêm giường bệnh, đẩy mạnh việc đào tạo chuyển giao kỹ thuật để nâng cao năng lực cho tuyến dưới... áp dụng khoa học công nghệ vào công tác khám chữa bệnh.

⁴⁴ Năm 2016 là 74%, năm 2017 là 80,52%, năm 2018 là 84, năm 2019 là 88%.

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, quản lý môi trường, xử lý chất thải y tế trong các cơ sở y tế được quan tâm chỉ đạo thực hiện⁴⁵.

Hệ thống y tế tiếp tục được củng cố từ tỉnh đến cơ sở; nhiều trang thiết bị, kỹ thuật mới được đầu tư. Xây dựng Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang quy mô 1.020 giường, Trung tâm Y học hạt nhân, Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng, Trung tâm Y tế huyện Giang Thành và Trang thiết bị Y tế huyện; đã đưa vào hoạt động Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá. Thu hút đầu tư từ nguồn xã hội hoá có nhiều chuyển biến tích cực; quy chế phối hợp giữa các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập đã phát huy hiệu quả trong việc sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế, góp phần từng bước khắc phục tình trạng quá tải ở bệnh viện các tuyến và nâng cao chất lượng phục vụ. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 940 cơ sở hành nghề khám, chữa bệnh ngoài công lập⁴⁶; có 2,3 giường bệnh/vạn dân.

c) Về văn hóa thể thao, thông tin và truyền thông

Môi trường văn hoá, phát triển con người về mọi mặt được quan tâm thực hiện, chú trọng xây dựng văn hoá trong các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, khu dân cư và mỗi gia đình. Thiết chế văn hoá cấp tỉnh và cơ sở cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động của các đơn vị chuyên môn liên quan đến văn hoá. Hoạt động văn hoá, thông tin phát triển sâu rộng đến vùng nông thôn, biên giới, hải đảo ngày càng phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức, từng bước đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hóa của Nhân dân. Công tác giáo dục truyền thống yêu nước, niềm tự hào, tinh thần tự lực, tự cường của dân tộc gắn với nội dung học tập đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh được tăng cường, góp phần nâng cao nhận thức của Nhân dân, nhất là lực lượng thanh niên.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, thực hiện “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” tiếp tục tác động ngày càng sâu rộng trong mọi hoạt động của xã hội, xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu trên các lĩnh vực, nhiều mô hình, điển hình tiên tiến được nhân rộng; vai trò của gia đình trong việc giữ gìn, bồi dưỡng các giá trị văn hoá, đạo đức được đề cao. Xây dựng và nhân rộng một số mô hình trong cộng đồng dân cư được phát huy; kỷ cương, pháp luật, trật tự xã hội được giữ vững, tình làng nghĩa xóm được thắt chặt, cảnh quan môi trường được quan tâm xây dựng, có 90,73% gia đình đạt chuẩn văn hoá.

⁴⁵ Tỷ lệ số cas ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân năm 2016 là 10,37 cas đến năm 2020 ước giảm còn 6 cas. Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý năm 2016 là 80% đến năm 2020 tăng lên 98%.

⁴⁶ Có 02 BVĐK tư nhân (BV Bình An với quy mô 250 giường; BVĐK Quốc tế Vinmec Phú Quốc quy mô 150 giường; 19 phòng khám đa khoa tư nhân; 691 phòng khám chuyên khoa; 02 nhà hộ sinh; 15 cơ sở chuẩn đoán; 148 phòng chẩn trị Y học cổ truyền và 65 cơ sở dịch vụ y tế.

Công tác quản lý và tổ chức lễ hội ngày càng đi vào nề nếp, tôn vinh các anh hùng dân tộc, những người có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển của tỉnh, góp phần giáo dục đạo lý uống nước nhớ nguồn, tạo sự gắn kết trong cộng đồng, quảng bá du lịch, hình ảnh và con người Kiên Giang. Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hoá, các công trình văn hoá⁴⁷, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc theo hướng lành mạnh, tiến bộ, có chọn lọc. Hoạt động thể dục, thể thao được duy trì, đạt nhiều huy chương ở các giải thi đấu cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế, tuyển chọn nhiều vận động viên, huấn luyện viên cho đội tuyển Quốc gia.

Hoạt động bưu chính, viễn thông có nhiều đổi mới, đặc biệt thực hiện tốt dịch vụ giao nhận thủ tục hành chính đến tận nhà người dân; hệ thống lưới điện tiếp tục được đầu tư, mạng điện thoại và internet đảm bảo đáp ứng yêu cầu cho thông tin liên lạc, hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhu cầu sinh hoạt của người dân, doanh nghiệp. Hạ tầng mạng lưới phục vụ ổn định, rộng khắp toàn tỉnh với tổng số 112 bưu cục, 132 điểm bưu điện văn hóa xã, bán kính phục vụ bình quân 2,76 km/điểm. Hạ tầng viễn thông được đầu tư hoàn thiện theo xu thế phát triển, ứng dụng công nghệ mới nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng của tổ chức, công dân.

Hoạt động báo chí (báo in, báo điện tử, mạng xã hội), văn học, nghệ thuật, phát thanh, truyền hình được nâng cấp và không ngừng đổi mới về nội dung, hình thức đã góp phần rất lớn trong việc định hướng dư luận xã hội, nâng cao nhận thức của người dân, minh bạch hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện đúng lộ trình số hoá truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất, chuyển đổi mã vùng điện thoại cố định, mã mạng điện thoại di động (từ 11 số sang 10 số); mạng viễn thông được cải tạo, thí điểm trạm anten thân thiện với môi trường được triển khai. Cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin và truyền thông khu vực nông thôn, biên giới ngày càng hoàn thiện.

Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước được đẩy mạnh. Các ứng dụng dùng chung, hệ thống Công thông tin điện tử được khai thác liên tục và là công cụ phục vụ cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh. Hệ thống thư điện tử của tỉnh đã cấp tài khoản cho 100% cơ quan, đơn vị địa phương và cán bộ, công chức, viên chức các cấp (*trừ viên chức thuộc ngành y tế, giáo dục*).

⁴⁷ Hiện có 57 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh được các cấp thẩm quyền quyết định xếp hạng (gồm: 01 di tích quốc gia đặc biệt, 23 di tích quốc gia và 33 di tích cấp tỉnh).



d) Các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân

Tập trung phát triển thị trường lao động, xây dựng cơ sở dữ liệu cung cầu lao động đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp và giới thiệu việc làm cho người lao động. Công tác giải quyết việc làm được chú trọng, nhiều giải pháp hỗ trợ trực tiếp được triển khai,⁴⁸ nhất là giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn góp phần giảm nghèo, chuyển dịch lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm như: Dự án vay vốn tạo việc làm, dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.... Ước giai đoạn 2016-2020, đã giải quyết việc làm cho 185.145 lượt lao động, đạt 105,79% kế hoạch, trong đó, có 957 lượt lao động tham gia đi làm việc ở nước ngoài. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50%, đạt kế hoạch đề ra.

Các chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời; quan tâm chăm lo cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng; đã tổ chức lễ trao tặng danh hiệu vinh dự nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 432 mẹ (phong tặng 32, truy tặng 400) và tặng thưởng Huân chương độc lập cho 43 gia đình liệt sĩ; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 12.185 căn cho hộ gia đình, người có công với cách mạng với kinh phí là 454,18 tỷ đồng (trong đó, xây mới 7.016 căn; sửa chữa 5.169 căn); hỗ trợ 52.000 người thuộc nhóm đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là các đối tượng yếu thế trong xã hội.

Triển khai thực hiện đầy đủ và đạt hiệu quả các chính sách và dự án thuộc chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo⁴⁹.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân giai đoạn 2016-2020 là 1,62%/năm, vượt kế hoạch⁵⁰. Các chế độ, chính sách BHXH, BHYT được giải quyết kịp thời, đúng định mức, đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo nhanh chóng, chính xác. Số người tham gia và thụ hưởng các chế độ BHXH, BHYT là đối tượng chính sách tăng qua các năm⁵¹.

⁴⁸ Tổ chức 32 phiên giao dịch việc làm (có 25.311 người tham gia); tư vấn việc làm và dạy nghề cho 12.866 người; thực hiện chính sách vay vốn từ quỹ Quốc gia về tư vấn việc làm và dạy nghề cho 8.298 người, cho người lao động với 3.004 dự án, số tiền 96.254 triệu đồng, tạo việc làm cho 3.571 người; ...

⁴⁹ Mỗi năm, tỉnh đã trao hàng nghìn suất quà cho hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn trong dịp Tết Nguyên Đán, ngày Quốc khánh và các ngày kỷ niệm đặc biệt khác; duyệt danh sách cho hàng trăm hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn; từ năm 2016 đến nay đã thực hiện xây dựng mới 7.487 căn nhà cho hộ nghèo, sửa chữa 744 căn nhà, bằng các nguồn vốn vận động, vay ngân hàng chính sách xã hội và ngân sách tỉnh hỗ trợ (nhà đại đoàn kết và nhà theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg).

⁵⁰ Kế hoạch giảm từ 1 – 1,5%/năm.

⁵¹ Đã cấp 2.373.114 thẻ BHYT với tổng kinh phí 1.444 tỷ đồng cho các đối tượng được ngân sách đóng và hỗ trợ đóng (trong đó, người nghèo 418.056 thẻ BHYT, đạt tỷ lệ 100%), người cận nghèo, người dân sống trên các địa



Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe trẻ em, bình đẳng giới và hoạt động của Ban Chỉ đạo vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm triển khai thực hiện đúng hướng. Tổ chức nhiều hoạt động vui chơi, giải trí, tặng quà cho trẻ em, nhất là trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; từng bước giảm dần khoảng cách chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em, tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi trẻ em; tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn giảm xuống còn 1,15%; 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phù hợp với trẻ em; 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí; chương trình tiêm chủng mở rộng và chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em được chỉ đạo tổ chức tốt. Tuyên truyền, giáo dục các chính sách pháp luật về trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội luôn được quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhất là phòng, chống mại dâm, cai nghiện ma túy, tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán... đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần phòng ngừa, hạn chế phát sinh các loại tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh⁵².

Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo: Các đề án, chính sách dân tộc cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ hàng nghìn lượt người dân thuộc hộ nghèo ở các xã vùng khó khăn của tỉnh; triển khai xây dựng Đề án chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ,...

Kịp thời nắm bắt tình hình sinh hoạt, hoạt động tôn giáo ở các cơ sở tôn giáo; giải quyết hiệu quả các vướng mắc trong sinh hoạt tôn giáo; tình hình các tôn giáo trên địa bàn tỉnh ổn định, chức sắc, chức việc, đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, gắn bó đồng hành cùng sự phát triển của địa phương.

bản xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã khó khăn, dân trên xã đảo; hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên.

⁵² Tổ chức 3.439 cuộc tuyên truyền về phòng, chống tệ nạn xã hội, có 186.920 lượt người tham dự; tiếp nhận, hỗ trợ 9 nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài trở về tái hòa nhập cộng đồng; triệt xóa 65 tụ điểm hoạt động mại dâm; thành lập 115 Đội công tác xã hội tình nguyện với 882 thành viên tham gia; tổ chức kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm với 60 cuộc tại 759 cơ sở hoạt động kinh doanh dịch vụ; triển khai duy trì 05 mô hình "Phòng ngừa mại dâm tại cộng đồng kết hợp các biện pháp ngừa, giảm tác hại về phòng, chống HIV", có 306 người được hưởng lợi từ mô hình; triển khai duy trì 11 mô hình "Điểm tư vấn và chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy và quản lý sau cai tại cộng đồng" kết nối quản lý 352 người nghiện chất ma túy, hỗ trợ học nghề, tạo việc làm tái hòa nhập cộng đồng. Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tiếp nhận, quản lý chữa bệnh, giáo dục, phục hồi, dạy nghề cho 1.500 người nghiện ma túy.

đ) Khoa học và công nghệ tiếp tục được thúc đẩy, tạo thêm động lực mới cho phát triển sản xuất

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển, nhiều đề tài khoa học được nghiên cứu và nghiệm thu ứng dụng vào sản xuất phục vụ người dân như: Xây dựng mô hình phát triển bền vững nghề nuôi cá mú, cá bớp trong lồng bè trên biển quần đảo Nam Du - Kiên Hải; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi sò huyết trong điều kiện biến đổi khí hậu ven biển vùng U Minh Thượng; đã nghiên cứu chọn tạo được 04 giống lúa GKG1, GKG5, GKG9 và GKG24 có khả năng chống chịu mặn, năng suất cao; ngoài ra còn nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, lĩnh vực xã hội nhân văn⁵³, chú trọng gia tăng hàm lượng công nghệ cho sản phẩm, cải tiến quy trình sản xuất, bao bì, nhãn hiệu... nâng cao tính cạnh tranh cho sản phẩm.

Từng bước thay đổi nhận thức của người dân trong việc chủ động áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, áp dụng các quy trình sản xuất an toàn (VietGAP, GlobalGAP...), triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất như: sản xuất lúa an toàn, lúa sinh học, trồng rau sạch theo hướng hữu cơ, ... cải tiến giống cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu, áp dụng các công nghệ bảo quản chế biến sau thu hoạch. Những kiến thức trong việc xác lập, bảo hộ và phát triển giá trị tài sản trí tuệ được thông tin sâu rộng giúp xác lập nhãn hiệu⁵⁴.

Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường kinh doanh; thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, giao quyền tự chủ hoạt động, phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước, dịch vụ công về khoa học và công nghệ.

Quan tâm thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đã triển khai thực hiện chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao.

⁵³ Đã và đang thực hiện 09 đề tài trình Bộ KH&CN; 113 đề tài, dự án nhiệm vụ cấp tỉnh; 92 đề tài dự án cấp cơ sở; Đã hoàn thành chuyển giao 06 quy trình kỹ thuật và phòng trị bệnh cho cá bớp, cá mú, nuôi sò huyết bãi triều và dưới tán rừng. Quy trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản như ghe xanh, sò huyết, nghêu lùa, nhum, cá bớp, cá trê suối Phú Quốc, cá thát lát, tôm càng xanh toàn đực.

⁵⁴ Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho 7 doanh nghiệp; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Phú Quốc cho sản phẩm nước mắm cho 75 doanh nghiệp. Đến nay, toàn tỉnh đã Cấp chứng nhận nhãn hiệu tập thể cho 21 nhãn hiệu như: Khóm Tắc Cậu, Hồ Tiêu Hà Tiên, Gạo một bụi trắng U Minh Thượng... Tỉnh có 2 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Thành lập: 02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Khu Dự trữ sinh quyển cho 02 cơ sở.

Tuy nhiên, lĩnh vực văn hóa - xã hội một số mặt chuyển biến chậm. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ chưa phát huy động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mạng lưới trường lớp còn phân tán, hệ thống trường trọng điểm, trường chất lượng cao, trường ngoài công lập phát triển chậm; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp⁵⁵; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học thiếu đồng bộ⁵⁶. Phân luồng học sinh sau trung học cơ sở còn khó khăn; chưa gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục vẫn còn bất cập về chất lượng và số lượng, tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ chậm được khắc phục⁵⁷.

Việc triển khai đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử chưa đồng bộ; hạ tầng công nghệ thông tin còn phân tán. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học có quy mô lớn, đột phá chưa nhiều; việc chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ cao còn hạn chế. Đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp, hiệu quả chưa cao, chưa gắn bó chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực, nguồn nhân lực khoa học công nghệ chưa đáp ứng so với yêu cầu. Chưa có chính sách hợp lý về vay vốn, hỗ trợ phát triển, tạo động lực để doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ.

Sự xuống cấp một số mặt về văn hóa, đạo đức, lối sống trong một bộ phận thanh thiếu niên gây bức xúc, lo lắng cho xã hội. Chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa giữa đô thị và nông thôn còn lớn; đời sống văn hóa ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Việc đầu tư tôn tạo, bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa còn chậm và hạn chế; xây dựng các thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra⁵⁸. Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu.

Quản lý nhà nước về y tế, công tác phòng ngừa một số dịch bệnh có mặt còn hạn chế; chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhân dân; tình trạng quá tải vẫn còn xảy ra ở một số bệnh viện nhưng chậm khắc phục. Nhân lực ngành y tế chưa bảo đảm, còn thiếu bác sĩ ở tuyến cơ sở và các bệnh viện mới thành lập⁵⁹.

⁵⁵ Toàn tỉnh hiện có 290/636 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 45,59%.

⁵⁶ Học sinh mầm non và học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày còn thấp, tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày ở bậc tiểu học chỉ đạt 52,8%; học sinh mầm non học 2 buổi/ngày đạt 95,93%.

⁵⁷ Toàn tỉnh thiếu 480 giáo viên mầm non và trung học cơ sở; thừa 410 giáo viên tiểu học

⁵⁸ Chỉ tiêu của Nghị quyết đặt ra đến năm 2020 toàn tỉnh có 90% huyện, thành phố và 70% xã, phường, thị trấn có trung tâm VH-TT. Đến nay mới chỉ có 80% huyện, thành phố và 59,3% xã, phường, thị trấn được đầu tư xây dựng trung tâm VH-TT.

⁵⁹ Còn thiếu 252 bác sĩ

4. Xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại

Công tác tuyển quân, tuyển sinh, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, chính sách hậu phương quân đội được thực hiện tốt. Các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện, diễn tập chiến đấu trị an cấp xã được thực hiện thường xuyên, nâng cao chất lượng, góp phần đảm bảo trình độ tổ chức chỉ huy, sẵn sàng chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ và nhận thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp đối với công tác quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường tiềm lực quốc phòng với đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục xây dựng địa phương thành khu vực phòng thủ vững chắc; xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh.

Quan tâm, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, chăm lo cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; tăng cường đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, chủ động giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, khó khăn, vướng mắc; tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc, tranh chấp, khiếu kiện, không để tạo thành "điểm nóng" về an ninh - trật tự. Triển khai nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm và vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên; tổng kiểm tra và vận động toàn dân thu nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tập trung vào các dịp lễ, tết, các sự kiện chính trị quan trọng, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Triển khai đồng bộ các biện pháp nắm chắc tình hình ngoại biên, biên giới và nội địa, chủ động phát hiện, kịp thời đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, tội phạm, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh trên tuyến biên giới.

Tiến hành nhiều hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư với các công ty, tổ chức quốc tế thuộc các quốc gia, vùng lãnh thổ như: Canada, Singapore, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Úc, Thái Lan... tổ chức đoàn tham dự các hội nghị, diễn đàn kinh tế, qua đó đã ký kết nhiều biên bản ghi nhớ, hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Giữ vững mối quan hệ hữu nghị, bền chặt với chính quyền một số tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia; định kỳ tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi giữa lãnh đạo tỉnh Kiên Giang và các tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia để thảo luận về xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư, bảo đảm an ninh trật tự..., góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển. Công tác phân giới, cắm mốc hoàn thành đúng tiến độ. Bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ, giữ vững an ninh biên giới; tiếp tục củng cố thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về biên giới.

Tuy nhiên, nhận thức về phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh trong tình hình mới vẫn chưa đầy đủ, toàn diện, sâu sắc. Việc quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc của một số cấp ủy, chính quyền còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Công tác nắm, đánh giá, dự báo tình hình trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa sâu sát, kịp thời; đấu tranh với các hoạt động chống phá trên không gian mạng còn khó khăn, hiệu quả chưa cao; tình hình an ninh, trật tự từng lúc, từng nơi còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định.

An ninh vùng biển, biên giới, an ninh trong dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn, an ninh thông tin chưa thật vững chắc, còn tiềm ẩn phức tạp. Chưa ngăn chặn được tình trạng tẩu cá của ngư dân sang vùng biển nước ngoài đánh bắt hải sản trái phép. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt, có lúc chưa theo kịp diễn biến tình hình. Hoạt động đối ngoại trong kêu gọi thu hút đầu tư vào tỉnh còn ít. Kết quả thực hiện nội dung ký kết hợp tác với một số nước trong khu vực, các tỉnh giáp biên chưa nhiều, kết quả có mặt còn hạn chế.

5. Về cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó, góp phần tạo chuyên môn mạnh mẽ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, thực hiện nghiêm kỷ luật công vụ, đổi mới phong cách làm việc hiệu quả, nhiều cơ quan, đơn vị xây dựng và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử. Triển khai thực hiện Đề án số 195/ĐA-UBND vị trí việc làm gắn với thực hiện lộ trình tinh giản biên chế của từng cơ quan, đơn vị, đã tinh giảm 2.110 biên chế⁶⁰.

Kiến toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, nhiều đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp tinh gọn, giúp hoạt động hiệu quả hơn, giảm 55 đơn vị, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho 14 cơ quan chuyên môn của tỉnh, qua đó giảm được 25 đầu mối trực thuộc; giải thể 11 phòng dân tộc và 14 phòng y tế cấp huyện⁶¹.

Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công (hoạt động từ năm 2019), tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tập trung thuộc 14 sở, ngành của tỉnh; triển khai nhiều tiện ích trong giải quyết các thủ tục hành chính để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua hệ thống bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả tại nhà theo yêu cầu của người dân,... được người dân, doanh nghiệp đồng tình, đánh giá rất cao.

⁶⁰ Trong đó, biên chế hành chính là 189 biên chế, biên chế sự nghiệp 1.921 biên chế.

⁶¹ Chỉ còn phòng y tế huyện Phú Quốc



Triển khai thí điểm chuyển giao cho Bưu điện tỉnh Kiên Giang thực hiện các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần mang đến sự tiện ích cho người dân, đồng thời giúp cho các cơ quan hành chính tỉnh giản biên chế, giảm tải công việc và khai thác hiệu quả mạng bưu chính công cộng do Nhà nước đầu tư.

Triển khai hiệu quả một số phần việc thuộc hệ thống chính quyền điện tử, nhất là triển khai tốt các ứng dụng về: Phần mềm theo dõi, giao nhiệm vụ; phần mềm quản lý văn bản điện tử gắn với chữ ký số; phần mềm một cửa điện tử tại các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và xã; mở rộng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Hoạt động quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 trong cơ quan hành chính nhà nước được duy trì và đang thực hiện chuyển sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015.

Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện với quyết tâm cao, có kế hoạch thực hiện cụ thể, gắn kết chặt chẽ với nội dung “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, cùng với sự tham gia giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, đã nâng cao nhận thức và nêu cao vai trò của người đứng đầu cơ quan, đưa công tác này đi vào chiều sâu. Việc tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện theo quy định, từ năm 2016 đến nay, 100% các vụ khiếu nại ở cấp tỉnh được giải quyết, ở cấp cơ sở đạt trên 90%.

Tuy nhiên, công tác tổ chức cán bộ còn một số hạn chế: Việc sắp xếp tổ chức, bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm và chưa thật sự tinh gọn. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trên một số lĩnh vực còn hụt hẫng; một số trường hợp cán bộ được quy hoạch phát huy hiệu quả chưa cao; bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ có trường hợp chưa bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, nhất là cán bộ thuộc diện ban Thường vụ cấp ủy huyện và tương đương quản lý.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí kết quả đạt được chưa nhiều; tham nhũng, lãng phí trong một số lĩnh vực vẫn còn phức tạp, với biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí trong nội bộ, cơ quan, đơn vị vẫn là khâu yếu; vẫn còn tình trạng những nhiều, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công. Ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Cải cách hành chính có mặt chưa đạt yêu cầu đề ra (chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh giảm). Tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến đất đai từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp.

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá tổng quát

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức nhưng Đảng bộ, quân dân trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra. Tỉnh có bước phát triển khá nhanh và toàn diện trên các lĩnh vực. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển; có nguồn thu ngân sách đứng thứ 2 vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Các lĩnh vực văn hóa – xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên. Chất lượng giáo dục đạt mức khá trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và trên mức bình quân chung của cả nước; tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; an sinh xã hội được bảo đảm. Quốc phòng - an ninh được củng cố, tăng cường, chủ quyền biên giới quốc gia, biển đảo được giữ vững. Công tác đối ngoại được mở rộng, hiệu quả được nâng lên.

Nguyên nhân của thành tựu: Đạt được những kết quả trên là nhờ có chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ; sự giúp đỡ, hỗ trợ của các Bộ, ban, ngành Trung ương; những kết quả trong đầu tư phát triển từ các nhiệm kỳ trước; sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, dân và quân trong tỉnh; tinh thần đoàn kết thống nhất cao trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và lãnh đạo các địa phương, đơn vị; sự ủng hộ của các thế hệ cán bộ lãnh đạo tiền nhiệm và sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tích tiến bộ, cũng còn những mặt hạn chế, yếu kém: Kinh tế - xã hội phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Chất lượng tăng trưởng chậm được cải thiện, năng lực cạnh tranh còn hạn chế. Việc thu hút đầu tư còn nhiều khó khăn, nhất là thu hút đầu tư nước ngoài, các dự án lớn, mang tính động lực. Giá trị sản xuất công nghiệp và kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng không đạt kế hoạch đề ra. Thu ngân sách nhà nước tăng khá, nhưng cơ cấu thu chưa bền vững. Phát triển chăn nuôi thiếu tính ổn định. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số cơ sở sản xuất, khu dân cư chưa được khắc phục hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra trên lĩnh vực đất đai, tài nguyên, khoáng sản chưa thường xuyên; phát hiện, xử lý một số sai phạm chưa kịp thời. Các loại hình và sản phẩm du lịch phát triển chưa đa dạng; nguồn nhân lực phục vụ du lịch vừa thiếu, vừa yếu; công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch còn hạn chế. Đời sống một bộ phận Nhân dân còn khó khăn; chất lượng nguồn nhân lực chuyển biến chưa nhiều. Tình hình an ninh biên giới, biển đảo, an ninh nông thôn, an ninh thông tin, tội phạm, tệ nạn xã hội, tranh chấp khiếu kiện trong Nhân dân từng lúc còn diễn biến phức tạp; tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định.

Nguyên nhân hạn chế

- Nguyên nhân khách quan là tình ở xa các trung tâm kinh tế - văn hóa lớn của đất nước, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, một số cơ chế chính sách còn bất cập, bố trí nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu; ảnh hưởng của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn gây nhiều bất lợi đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân; dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona đầu năm 2020 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh nói riêng.

- Nguyên nhân chủ quan: Năng lực tổ chức thực hiện và tinh thần trách nhiệm của một số chính quyền, người đứng đầu một số ngành, đơn vị, địa phương chưa cao; việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn còn chậm. Các giải pháp thực hiện và sự phối hợp giữa các sở, ngành với địa phương có nơi, có lúc thiếu đồng bộ, chưa kịp thời. Công tác chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, yếu kém chưa tập trung, thiếu kiên quyết; tinh thần trách nhiệm, trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế. Công tác dự báo tình hình từng lúc chưa thật chính xác; trong chỉ đạo chưa mạnh dạn đề ra các cơ chế, chính sách, giải pháp có tính đột phá.

2. Bài học kinh nghiệm

- Sự thống nhất cao trong việc lựa chọn, xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm trong Nghị quyết của Tỉnh ủy, của Hội đồng nhân dân tỉnh để qua đó xây dựng thành các chuyên đề, các đề án, dự án, có sự tập trung chỉ đạo thực hiện là nhân tố quan trọng hàng đầu cho mọi thắng lợi trong phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua.

- Coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển. Tăng trưởng phải đi liền với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển khoa học – công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững.

- Định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp là tổ chức lại mô hình sản xuất theo phương châm “liên kết trong sản xuất và xã hội hóa nguồn lực đầu tư, tạo quy mô sản phẩm lớn, đồng nhất, giá trị gia tăng cao”; tập trung cải cách hành chính, tháo gỡ mọi rào cản trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục đầu tư để thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khắc phục những tồn tại, khó khăn của mô hình kinh tế hộ, hợp tác xã, tạo điều kiện cho xu thế phát triển nền nông nghiệp tập trung, quy mô.



- Chú trọng phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ gắn với chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, là thị trường của sản phẩm nông nghiệp, hướng đến hình thành chuỗi giá trị toàn cầu cho sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Công tác kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, giám sát hoạt động của các cấp, các ngành phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc, những vấn đề phát sinh trong tình hình mới.

- Phát triển kinh tế hài hoà với giải quyết các vấn đề xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, môi trường, quốc phòng và an ninh. Phát triển kinh tế của tỉnh đồng thời đảm bảo tính liên kết vùng, nhất là các dự án trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho cả vùng.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Ngày nay toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và những thành tựu mới của khoa học – công nghệ tiếp tục làm thay đổi nhanh nhiều mặt trong đời sống mỗi quốc gia, dân tộc. Trong nước, những thành tựu đạt được của hơn 35 năm đổi mới đã tạo ra thế và lực mới, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Tinh thần yêu nước, sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân được khơi dậy, là nền tảng quan trọng tạo nên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đưa nước ta phát triển trong giai đoạn mới.

Trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược, xung đột dưới nhiều hình thức sẽ phức tạp, gay gắt hơn. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều thách thức. Kinh tế thế giới nhiều khả năng tăng trưởng chậm lại, tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng và suy thoái; cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại giữa các nước lớn... và những vấn đề toàn cầu như: An ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, thiên tai, dịch bệnh... sẽ tiếp tục diễn biến khó lường. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn biến nhanh chóng, mạnh mẽ, tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Nước ta hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn sẽ phải thực hiện đầy đủ các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức; xu hướng già hóa dân số nhanh; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước.

Trong tình, kinh tế - xã hội ngày càng chịu tác động nặng nề của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt, sạt lở bờ biển; là tỉnh nông nghiệp lớn của cả nước nhưng sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản thấp; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; nguồn lực huy động tại chỗ cho đầu tư phát triển chưa nhiều. Trình độ nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy sức mạnh toàn dân, huy động tối đa mọi nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng thế mạnh, nhất là kinh tế biển, du lịch và công nghiệp; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp; tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đáp ứng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đồng bộ. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển đảo.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm đạt 7,24% trở lên; Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đạt 35-40%.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.485 USD.

(3) Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành:

+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 25,2%;

+ Công nghiệp và xây dựng: 19,8%;

+ Dịch vụ: 49,37%;

+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 5,63%.

(4) Giá trị sản xuất nông-lâm-thủy sản tăng bình quân 1,76%.

(5) Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 8%/năm.

(6) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 10%/năm.

(7) Thu ngân sách giai đoạn 2021-2025 đạt 73.645 tỷ đồng.



(8) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 khoảng 267.128 tỷ đồng.

(9) Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 41,45%.

- Về văn hóa – xã hội

(1) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 60% trở lên.

(2) Hằng năm huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường đạt trên 97%.

(3) Phần đầu tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 95% trở lên.

(4) Số bác sĩ trên vạn dân đạt 10,31 bác sĩ/vạn dân.

(5) Số giường bệnh trên vạn dân đạt 33,49 giường bệnh/vạn dân.

(6) Hằng năm giải quyết việc làm từ 35.000 lượt lao động trở lên.

(7) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 52,5%.

(8) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều còn dưới 2% (*Thực hiện theo tiêu chí giảm nghèo của Trung ương*).

(9) Phần đầu 100% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

(10) Có ít nhất 9 huyện/thành phố đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện Tân Hiệp đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao.

(11) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt từ 90% trở lên (*Thực hiện theo tiêu chí của Chính phủ*).

- Về môi trường

(1) Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch 90%.

(2) Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch 65%.

(3) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 90%, chất thải y tế đạt 100%.

(4) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 11%.

3. Xác định 3 khâu đột phá là

- Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác cải cách hành chính.

- Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nhất là giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho kết nối và phát triển.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tập trung thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững và có chiều sâu

a) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển toàn diện sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp; tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao, sạch, nông nghiệp hữu cơ; phát huy lợi thế tiềm năng, lợi thế của từng vùng để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh các hàng hóa nông nghiệp của tỉnh, bảo đảm đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng; xây dựng, nhân rộng mô hình cánh đồng lớn, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh phù hợp với lợi thế địa phương và nhu cầu thị trường. Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu với nâng cao giá trị nông sản.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, tuyển chọn và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao. Đẩy mạnh triển khai chương trình cơ giới hóa, từng bước triển khai tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp và ứng dụng công nghệ sau thu hoạch. Huy động các nguồn vốn đầu tư và kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán ở hộ gia đình sang chăn nuôi tập trung; quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung, xa trung tâm thành thị, khu dân cư.

Quy hoạch ổn định diện tích đất lâm nghiệp, phát triển rừng sản xuất làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ. Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng ở các khu vực Vườn Quốc gia U Minh Thượng, Vườn Quốc gia Phú Quốc, khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Chông. Khôi phục và bảo vệ rừng ngập mặn ven biển, bãi bồi ven biển, hệ sinh thái rừng tràm kết hợp với bảo vệ nguồn tài nguyên thủy sản và động vật hoang dã.

Thực hiện cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng đảm bảo cơ cấu phù hợp ổn định giữa khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; giảm áp lực khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản và chủ quyền lãnh thổ. Phát triển bền vững các vùng sản xuất nông thủy sản quy mô tập trung sản xuất theo chuỗi giá trị của từng loại sản phẩm, từng bước tiến hành tiêu chuẩn hóa hệ thống nuôi trồng gắn với truy suất nguồn gốc, từng bước đưa sản phẩm nông nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Rà soát diện tích nuôi trồng thủy sản, khuyến khích nuôi công nghiệp trên cả diện rộng và quy mô nhỏ, áp dụng thâm canh, công nghệ cao, thực hành nuôi tốt (GAP) theo quy chuẩn.

Phấn đấu đến năm 2025, giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm, thủy sản đạt 2,78% (theo giá 2010)⁶²; có 100 xã đạt nông thôn mới, trong đó có 30 xã đạt chuẩn nâng cao; 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mới; có khoảng 7-9 huyện đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 100%, trong đó sử dụng nước sạch là 65%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 11%.

b) Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững

Phát triển ổn định công nghiệp vật liệu xây dựng, gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông thủy sản, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp cơ khí đóng, sửa chữa tàu, chế biến thực phẩm, vật liệu mới, công nghiệp sử dụng nhiều lao động như may mặc, giày da, điện tử...Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường.

Phát triển các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch; trong đó, tập trung xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào 03 khu công nghiệp: Thanh Lộc – Châu Thành; Thuận Yên – Hà Tiên; phát triển khu công nghiệp Xẻo Rô – An Biên và 3 cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam – Gò Quao, Hàm Ninh – Phú Quốc; Bình An – Châu Thành; tiếp tục kêu gọi đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp Hà Giang – Hà Tiên, Đông Bắc Vĩnh Hiệp – Rạch Giá.

Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, chủ động nguồn nguyên liệu, đào tạo và sử dụng nhân lực..., mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh. Điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo nguồn thu cho ngân sách, suất đầu tư trên một đơn vị diện tích lớn; không thu hút các dự án nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu. Phấn đấu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân 8,49%; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,8%.

c) Phát triển và nâng cao hiệu quả các hoạt động thương mại, dịch vụ; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh

- Về thương mại: Tiếp tục phát triển hoạt động thương mại khu vực biên giới cửa khẩu quốc tế Hà Tiên, cửa khẩu quốc gia Giang Thành; gắn kết với Phú Quốc, các trung tâm đô thị Kiên Lương và Rạch Giá để hình thành các cực tăng trưởng năng động của tỉnh, làm hạt nhân lan tỏa sang các khu vực lân cận.

⁶² Sản phẩm chủ yếu đạt: sản lượng lúa khoảng 3,8 - 4 triệu tấn (có 80% lúa chất lượng cao); Sản lượng khai thác thủy sản đạt 425.000 tấn; nuôi trồng thủy sản đạt 375.000 tấn (tôm nuôi là 100.000 tấn)



Hoàn chỉnh hệ thống thương mại khu vực đô thị gắn với phát triển đồng bộ hệ thống chợ dân sinh tại khu vực nông thôn và các chợ đầu mối; khuyến khích phát triển các loại hình bán lẻ hiện đại như: trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị tổng hợp và siêu thị chuyên doanh; từng bước phát triển mạng lưới cửa hàng tiện lợi trong các khu dân cư, với giá cả phù hợp, chất lượng bảo đảm và tiện lợi cho tiêu dùng của dân cư.

Phát huy hiệu quả tiềm năng kinh tế biên giới, hải đảo, đi đôi với việc đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nước ngoài tiềm năng, ổn định tăng trưởng xuất khẩu và đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu (nông thủy sản, hàng tiêu dùng) theo hướng tăng giá trị và hàm lượng công nghệ.

Tập trung phát triển thị trường cho các sản phẩm có sức cạnh tranh lớn, có giá trị gia tăng cao hoặc các nhóm sản phẩm có tỷ trọng kim ngạch lớn. Tăng cường nghiên cứu áp dụng các biện pháp thương mại phù hợp với các nguyên tắc của thương mại quốc tế; đồng thời, khai thác hiệu quả các chương trình hợp tác và hội nhập kinh tế; nâng cao vai trò của các hiệp hội, làng nghề và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác trong việc hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Phấn đấu đến năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng bình quân 10%/năm; kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 964 triệu USD; kim ngạch nhập khẩu 130 triệu USD.

- Về du lịch: Phát triển toàn diện du lịch của tỉnh cả về phạm vi, quy mô và chất lượng dịch vụ, đảm bảo tính bền vững. Thực hiện tốt quy hoạch không gian, hạ tầng du lịch và quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh trên cơ sở gắn kết các vùng, điểm, tuyến du lịch với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và quốc tế.

Xây dựng một số trung tâm du lịch, các khu, điểm du lịch, các tour, tuyến du lịch Phú Quốc, Hà Tiên – Kiên Lương, Rạch Giá, Hòn Đất, Kiên Hải, U Minh Thượng.

Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, trong đó ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông và phát triển phương tiện giao thông công cộng kết nối đồng bộ giữa Rạch Giá đến các điểm tham quan, các vùng trọng điểm du lịch của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá và xúc tiến du lịch để kêu gọi đầu tư và thu hút du khách. Chú trọng phát triển nhanh nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch.

Phấn đấu đến năm 2025, tổng lượt khách đến trên địa bàn đạt trên 12,8 triệu khách, trong đó, khách quốc tế trên 883.478 lượt khách.

- *Về thu, chi ngân sách*: Thực hiện nghiêm luật NSNN, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong chấp hành pháp luật ngân sách nhà nước ở các cấp, các ngành. Quản lý chặt chẽ các khoản chi từ NSNN, đảm bảo triệt để, tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp, không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn vốn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN; giảm các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước để tập trung nguồn lực cho phát triển. Tăng cường quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công ở cấp địa phương; rà soát, hoàn thiện và thực hiện các chính sách tài chính về đất đai, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Phân đầu tổng thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 dự kiến là 73.645 tỷ đồng; tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt khoảng 11,55% so với GRDP. Trong đó, thu nội địa là 72.810 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 98,87% tổng thu. Tổng chi giai đoạn 2021-2025 dự kiến 83.913,232 tỷ đồng. Trong đó, chi đầu tư phát triển 23.781,251 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 28,34% trong tổng chi ngân sách địa phương; chi thường xuyên 57.851,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 68,94% trong tổng chi ngân sách địa phương.

- *Tín dụng, ngân hàng*: Tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng và các chương trình, chính sách tín dụng của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua hoạt động ngân hàng. Bảo đảm tín dụng tăng trưởng phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đi đôi nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung tín dụng vào sản xuất kinh doanh, ngành, lĩnh vực ưu tiên, ngành, lĩnh vực quan trọng, then chốt của tỉnh theo kế hoạch từng năm và giai đoạn 2021 - 2025. Các tổ chức tín dụng tiếp tục triển khai thực hiện các phương án, kế hoạch cơ cấu lại, xử lý nợ xấu đảm bảo theo đúng mục tiêu, định hướng; đa dạng hóa kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tạo cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính, ngân hàng. Tích cực phối hợp triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử dịch vụ công trực tuyến, thanh toán qua ngân hàng; triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện, ...

Phân đầu đến năm 2025, vốn huy động tại địa phương tăng bình quân 6%/năm; dư nợ cho vay tăng bình quân 12,5%/năm⁶³; kiểm soát tỷ lệ nợ xấu hàng năm dưới 3%.

⁶³ Vốn huy động tại địa phương đạt 71.350 tỷ đồng, gấp 1,34 lần năm 2020; dư nợ cho vay đạt 155.500 tỷ đồng, gấp 1,8 lần so với năm 2020



- Phát triển dịch vụ vận tải, cung cấp các dịch vụ trọn gói, nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ để tăng khả năng liên kết hiệu quả giữa các phương tiện vận tải, giảm đầu mối cung cấp. Phát huy lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của tỉnh để phát triển hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không.... Phấn đấu đến năm 2025, vận chuyển hàng hóa đạt 86 triệu tấn; vận chuyển hành khách đạt 611.289 triệu hành.

d) Tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ, từng bước hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển đô thị

- Huy động vốn đầu tư

Tích cực thực hiện tái cơ cấu đầu tư công; huy động tối đa nguồn vốn ngân sách cho đầu tư phát triển theo luật đầu tư công; có cơ chế chính sách hỗ trợ để khuyến khích, thu hút, khai thác nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư vào các công trình thiết yếu, quan trọng theo hình thức đối tác công tư (PPP) và từ các nguồn vốn doanh nghiệp, Nhân dân. Quản lý chặt chẽ việc phê duyệt dự án, tránh đầu tư tràn lan, không hiệu quả, tránh hiện tượng "quy hoạch treo", "dự án treo" gây lãng phí tài nguyên... Tối ưu hóa sử dụng nguồn lực đất đai, thúc đẩy các dự án đầu tư theo hình thức PPP trong các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, giao thông; xem xét đổi mới cơ chế xác định giá thu hồi đất để sát với giá thị trường đối với các dự án giao đất không qua đấu giá.

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển trên địa bàn trong 5 năm 2021 - 2025 khoảng 267.128 tỷ đồng, chiếm 39,35% GRDP của tỉnh. Thu hút nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực phù hợp quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là mạng lưới giao thông, công trình thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu, hạ tầng phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển đô thị, cấp điện, viễn thông, xử lý các vấn đề môi trường. Tăng cường quản lý vốn, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn hiệu quả, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Phân bổ và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công (bao gồm cả vốn ngân sách tỉnh, vốn ODA, vốn vay ưu đãi, các nguồn hỗ trợ từ Trung ương và nguồn khác). Ưu tiên tập trung để thực hiện các dự án trọng điểm theo danh mục đã được xác định và thực hiện theo đúng quy định. Các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư là giao thông, nông nghiệp, nông thôn, phát triển du lịch, công nghiệp, thương mại, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, kinh tế biên giới, phát triển nguồn nhân lực... Trong đó, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm; đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đầu tư các công trình phúc lợi xã hội; hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch...

- Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh

Tích cực huy động các nguồn vốn và đa dạng hóa các hình thức đầu tư để tập trung đầu tư các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm về giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không kết nối với các tỉnh, thành trong nước và một số nước lân cận. Ưu tiên các lĩnh vực sau:

- Hạ tầng giao thông vận tải: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành Trung ương đầu tư nâng cấp, xây mới hệ thống đường bộ qua địa bàn tỉnh như: Đường cao tốc Hà Tiên – Rạch Giá – Bạc Liêu, các tuyến Quốc lộ 61, 63, 80, N1, tuyến đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, tuyến đường ven biển (tuyến Kênh Cụt – Tắc Cậu, Rạch Giá – Hòn Đất, Hòn Đất – Kiên Lương); tuyến đường Hành lang ven biển phía Nam (đoạn Rạch Giá – Hà Tiên); đường Hồ Chí Minh (Rạch Sỏi – Gò Quao – Vĩnh Thuận). Nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các tuyến đường tỉnh, đường huyện theo quy hoạch. Xây dựng tuyến giao thông ven sông Cái Lớn – Cái Bé; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên đảo Phú Quốc; trên các xã đảo Kiên Hải, Kiên Lương, thành phố Hà Tiên và đảo Thổ Châu. Đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá, Cảng hàng không Phú Quốc, mở rộng nhà ga hành khách, đường lăn sân bay Phú Quốc cấp 4E. Nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa trọng yếu gắn với cảng sông, cảng biển; phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải mở rộng tuyến đường thủy quốc gia Rạch Giá – Hà Tiên, nghiên cứu tuyến vận tải ven biển Việt Nam – Campuchia – Thái Lan nhằm khai thác tiềm năng từ cộng đồng ASEAN. Đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, cấp nước và xử lý nước thải, rác thải và chất thải rắn.

Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025, dự kiến thực hiện hoàn thành 80% km đường cứng hóa theo quy hoạch⁶⁴.

- Hạ tầng thủy lợi: Phát triển hệ thống thủy lợi, công đập, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội theo từng tiểu vùng, gồm: Tứ giác Long Xuyên, Tây Sông Hậu, U Minh Thượng và tiểu vùng hải đảo nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả, bảo vệ nguồn nước ngọt; hạn chế các tác hại lũ lụt, xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Hạ tầng viễn thông: Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin viễn thông theo hướng hiện đại, có dung lượng lớn kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, để phát triển kinh tế số.... Mở rộng vùng phủ sóng của các mạng viễn thông di động 4G, 5G và phát triển các mạng thế hệ tiếp sau. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

⁶⁴ quy mô đạt quy mô đường loại B (mặt đường 3 – 3,5 m), cầu tải trọng từ 3,5T.

- Hạ tầng cung cấp điện: Phát triển hệ thống cấp điện trên cơ sở các quy hoạch phát triển điện lực cấp quốc gia; quan tâm đầu tư hệ thống điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020-2030 có xét đến năm 2035 và các đề án phát triển điện đảo Phú Quốc, các đảo khác trong tỉnh. Đầu tư điện lưới quốc gia hoặc năng lượng tái tạo cho các xã đảo: An Sơn, Nam Du huyện Kiên Hải và đảo Thổ Châu.

- *Đẩy mạnh thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển đô thị:*

Trên cơ sở nâng cấp, mở rộng các đô thị hiện có và xây dựng mới cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh. Phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh có 23 đô thị, trong đó: 02 đô thị loại I (Rạch Giá và Phú Quốc), 01 đô thị loại II (Hà Tiên), 01 đô thị loại III (Kiên Lương), 05 đô thị loại IV và 14 đô thị loại V, tỷ lệ đô thị hoá là 41,45%. Xây dựng đảo Phú Quốc trở thành thành phố du lịch biển - đảo tầm cỡ quốc gia và khu vực. Xây dựng thành phố Rạch Giá là một trong 4 đô thị của vùng kinh tế trọng điểm thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng thành phố Hà Tiên trở thành đô thị kinh tế cửa khẩu quốc tế, trung tâm văn hóa - du lịch lớn của tỉnh và khu vực. Xây dựng thị xã Kiên Lương là đô thị - công nghiệp có quy mô lớn và hiện đại; trung tâm du lịch cấp tỉnh. Hình thành và phát triển các đô thị ở Kiên Hải nhằm thúc đẩy phát triển vùng hải đảo thông qua đó gắn kết với vùng đất liền. Xây dựng An Biên là đô thị vùng U Minh Thượng; Giồng Riềng là đô thị vùng Tây Sông Hậu.

đ) Cải thiện môi trường đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế, đẩy mạnh liên kết vùng và hội nhập quốc tế:

Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối, đi đôi với tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của các công ty nhà nước và công ty cổ phần có vốn nhà nước; cơ cấu lại, nâng cao tính tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển, cung ứng dịch vụ công.

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường... Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện công khai, minh bạch thông tin đi đôi với chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.



Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh và bộ phận một cửa tại các huyện, thành phố. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân; chú trọng thu hút đầu tư nước ngoài; khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp. Thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ưu tiên các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp thích ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4⁶⁵.

Tập trung phát triển kinh tế tập thể với nhiều loại hình hợp tác đa dạng; chú trọng phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác ở các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, thương mại và các ngành dịch vụ nông thôn để làm tốt dịch vụ cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ sản xuất cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh của các thành viên, bảo vệ lợi ích của các thành viên khi tham gia thị trường; tạo điều kiện để các thành viên giảm chi phí, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển ổn định và bền vững. Phát triển hợp tác xã, liên hợp tác xã với nhau, hình thành các hiệp hội liên minh hợp tác xã.

e) Công tác quy hoạch và phát triển vùng, liên kết vùng; kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh trật tự, an toàn xã hội

- Phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng - an ninh

+ Phát triển thủy sản: Chuyển mạnh nuôi trồng hải sản theo phương thức công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường biển; tăng cường tiếp cận, ứng dụng công nghệ nuôi biển hiện đại ở vùng khơi. Xây dựng các đội tàu mạnh khai thác xa bờ và khai thác viển dương theo chương trình hợp tác giữa các Chính phủ trong khu vực, đi đôi với sắp xếp, cơ cấu lại nghề cá ven bờ; ngăn chặn, giảm thiểu và chấm dứt các hành vi khai thác hải sản bất hợp pháp; tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đi đôi với thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho ngư dân.

Đầu tư xây dựng trung tâm nghề cá lớn Kiên Giang gắn với ngư trường biển Tây Nam tại huyện An Biên; đầu tư các khu neo đậu tránh trú bão tại các địa phương trọng điểm nghề cá.

+ Phát triển du lịch và dịch vụ biển: Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho du lịch, nhất là vùng du lịch trọng điểm, du lịch biển đảo, ven biển như: Phú Quốc, Kiên Hải, Hà Tiên, Kiên Lương, Hòn Đất và thành phố Rạch Giá. Tập trung xây dựng phát triển Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển mạnh mang tầm quốc tế.

⁶⁵Trong 5 năm 2021-2025, tạo điều kiện thành lập mới 6.000 – 7.000 doanh nghiệp và 75 HTX.



+ Đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển, kết hợp với các tuyến du lịch trong nước và quốc tế để Kiên Giang trở thành điểm đến hấp dẫn của khu vực và thế giới.

+ Phát triển công nghiệp năng lượng: Thúc đẩy đầu tư, phát triển năng lượng tái tạo như: điện gió, điện năng lượng mặt trời, điện khí... và năng lượng tái tạo khác.

Ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng an ninh. Tập trung các ngành kinh tế biển mới nổi như: Năng lượng tái tạo từ biển, khai thác mỏ dưới đáy biển, công nghệ sinh học biển, các ngành kinh tế biển khác....

+ Phát triển kinh tế hàng hải: Đầu tư phát triển các cảng trọng điểm như: Cảng Hòn Chông – Kiên Lương; cảng nước sâu Nam Du – Kiên Hải; cảng tổng hợp tại Mũi Đất Đỏ - Phú Quốc; cảng biển Vịnh Đầm – Phú Quốc; cảng hành khách quốc tế Dương Đông – Phú Quốc; mở rộng cảng Bãi Vòng – Phú Quốc; cảng hành khách Rạch Giá – Tp. Rạch Giá; cảng Bãi Nò – Hà Tiên, cụm cảng Hà Tiên, Kiên Lương. Xây dựng trung tâm cứu hộ phục vụ vùng biển Tây Nam. Phát triển đội tàu vận tải, đáp ứng nhu cầu vận tải nội địa, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng vận tải quốc tế; phát triển các tuyến vận tải hành khách ven biển hải đảo phục vụ hoạt động du lịch; nghiên cứu phát triển tuyến vận tải ven biển Việt Nam – Campuchia – Thái Lan. Tiếp tục phát triển các đường bay từ Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc đến các nước trong khu vực như: Thái Lan, Malaysia, Singapore, Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Đức, Úc, Pháp, Anh và Ấn Độ; đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá, Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, tập trung đầu tư đường hạ cánh số 2 và nhà ga hành khách T2.

g) Nâng cao chất lượng quy hoạch, liên kết vùng

Hoàn thành lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai thực hiện tốt các hợp phần tích hợp trong quy hoạch tỉnh.

Xây dựng và thực hiện các cơ chế phối hợp, hợp tác giữa các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL với các tỉnh thành trong cả nước, tạo điều kiện mở rộng thị trường, liên kết trong sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế, đặc biệt là các tỉnh biên giới với Vương quốc Campuchia...; ưu tiên hợp tác thu hút những lĩnh vực có yêu cầu trình độ, công nghệ cao.



Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến thương mại - đầu tư, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Trong đó, chú trọng các giải pháp hỗ trợ cụ thể về đầu ra sản phẩm theo hướng mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường mới để hạn chế rủi ro, bất cập trong sản xuất, bảo đảm cho sản xuất phát triển ổn định và hiệu quả.

h) Tăng cường quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Coi trọng công tác xây dựng quy hoạch và làm tốt công tác quản lý quy hoạch, nhất là sử dụng đất đai, quy hoạch, bảo vệ rừng, xây dựng, bảo vệ môi trường, bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo trong quá trình tích hợp, lập quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành, phù hợp, khả thi trong triển khai thực hiện, phục vụ cho sự phát triển của tỉnh. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực đất đai, bảo đảm chất lượng môi trường, hạn chế tối đa rác thải nhựa, quan tâm đến quyền lợi, sinh kế của người dân.

Đẩy mạnh việc điều tra cơ bản, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất, nước, rừng, biển, khoáng sản và đa dạng sinh học. Sử dụng tài nguyên nước bảo đảm hiệu quả, bền vững trên nguyên tắc của kinh tế thị trường, quản lý tổng hợp nguồn nước, an ninh nguồn nước, đảm bảo nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt.

Tiếp tục tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường; đưa nội dung bảo vệ môi trường vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư; đồng thời phải làm tốt công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải, thoát nước cho các khu cụm công nghiệp, du lịch, đô thị, dân cư tập trung, bệnh viện, cơ sở chế biến, khai thác tài nguyên...; có biện pháp ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Bảo vệ nghiêm ngặt các loại rừng, môi trường biển và ven biển, các khu bảo tồn hệ sinh thái đặc thù; khắc phục ô nhiễm, cải thiện vệ sinh môi trường tại các khu, điểm du lịch, khu vực khai thác khoáng sản và nuôi trồng thủy sản. Triển khai thực hiện chương trình hành động để thích ứng với biến đổi khí hậu; tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, kết cấu hạ tầng các đô thị ven biển; đầu tư xây dựng tuyến đê biển Tây, kết hợp với đường giao thông trên đê biển và hệ thống cống, đập các cửa sông đê ngăn mặn. Chú trọng quản lý, sử dụng, khai thác tài nguyên hợp lý, có hiệu quả, đúng pháp luật.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về tài nguyên, môi trường, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chủ động hợp tác quốc tế trong việc phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, đảm bảo an ninh sinh thái, môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu,... đồng thời làm giảm thiểu các tác động bất lợi từ quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đối với tài nguyên của tỉnh.

2. Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nguồn nhân lực, chăm lo phát triển văn hóa và đảm bảo an sinh xã hội:

a) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo

Tiếp tục triển khai, quán triệt, tổ chức thực hiện có hiệu quả Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí Thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa IX về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Tập trung thực hiện tốt đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông và triển khai thực hiện giáo dục bắt buộc đối với bậc tiểu học sau năm 2020. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; tăng cường giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống và giáo dục thể chất cho học sinh.

Nâng cao chất lượng, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao năng lực quản trị nhà trường gắn với thực hiện tự chủ trong hoạt động của các cơ sở giáo dục; giải quyết căn cơ tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo. Củng cố, hoàn thiện hệ thống giáo dục nghề nghiệp, nhất là đầu tư trường nghề chất lượng cao; tăng cường đào tạo nghề cho lao động phổ thông đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, khuyến khích phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập, thực hiện bình đẳng trong giáo dục - đào tạo. Tiếp tục đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài; thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống trường lớp, trang thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa, chú trọng phát triển trường chuẩn quốc gia (cấp THPT), trường trọng điểm, trường chất lượng cao.

Phân đầu thực hiện đến năm 2025: tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở lần lượt là 80%; 96%; 85%. Tập trung nguồn lực hoàn thành các chương trình, đề án, kế hoạch của ngành giáo dục đào tạo trong giai đoạn 2016-2020.

b) Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đổi mới và thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học công nghệ, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học; chú trọng phát triển đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý... Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức trẻ, tạo môi trường, điều kiện hoạt động để trí thức nghiên cứu, sáng tạo, cống hiến. Quan tâm công tác định hướng tư tưởng, chính trị, giáo dục đạo đức, lối sống, nhất là nâng cao trách nhiệm và khát vọng cống hiến của đội ngũ trí thức. Đổi mới, đa dạng hóa phương thức vận động, kết nối, tập hợp và tổ chức, động viên đội ngũ trí thức, nhất là trí thức trẻ, trí thức trong các thành phần kinh tế trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đổi mới công tác đào tạo nghề theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chú trọng đào tạo công nhân lành nghề bậc cao cho các khu công nghiệp, lao động có tay nghề cao cho các ngành dịch vụ và lao động xuất khẩu; quan tâm đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá dạy nghề, đa dạng hoá các hình thức đào tạo nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề theo nhu cầu. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong đào tạo nghề.

c) Phát triển khoa học công nghệ

Triển khai thực hiện tốt chương trình hành động và kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 50-KL/TW của Ban Bí thư về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế. Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển khoa học và công nghệ thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phù hợp với điều kiện và đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Trong đó, tập trung chuyển giao, ứng dụng, nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ hiện đại trong các ngành, lĩnh vực; phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp, khuyến khích và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp bằng đổi mới sáng tạo.



Hoàn thiện cơ chế chính sách của tỉnh để huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên các chính sách hỗ trợ hợp lý để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo liên kết chuỗi giá trị do doanh nghiệp làm hạt nhân.

Tiếp tục phát triển thị trường khoa học công nghệ, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm sáng tạo, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế, coi trọng việc tạo lập và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, thông tin, thống kê khoa học và công nghệ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm...

d) Chăm lo phát triển văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội Nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tiếp tục đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, tập quán tốt đẹp của mỗi địa phương. Tập trung giáo dục lòng yêu nước, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, ý thức trách nhiệm xã hội; ý chí, khát vọng vươn lên của mỗi người dân, nhất là thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, xây dựng nếp sống văn minh, tiên bộ, gia đình văn hóa.

Huy động, sử dụng tốt nguồn lực xã hội để đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa cơ sở; xây dựng một số công trình văn hóa trung tâm tạo điểm nhấn tại các đô thị lớn như: xây dựng hoàn thành công trình tượng đài Bác Hồ tại Phú Quốc; Trung tâm Triển lãm nghệ thuật và Bảo tồn di sản văn hóa. Đầu tư nâng cấp, tôn tạo, bảo vệ các di tích văn hóa, lịch sử, di tích cách mạng và các danh lam thắng cảnh trên địa bàn. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; duy trì và nâng cao chất lượng các lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa - thể thao.

Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng; ưu tiên phát triển một số bộ môn thể thao thành tích cao có thế mạnh của tỉnh kết hợp xây dựng hệ thống các sân, bãi tập, trung tâm huấn luyện và nhà thi đấu đa năng phục vụ tập luyện, thi đấu.

Phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh có 88% gia đình, 89% ấp, khu phố và 90% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; tỷ lệ người tham gia tập luyện thể thao thường xuyên là 30,5% trên tổng dân số.



Triển khai kế hoạch thực hiện quy hoạch báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, hiện đại hóa, số hóa; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin, truyền thông, nhất là các loại hình thông tin trên internet, dịch vụ văn hóa để định hướng tư tưởng, dư luận xã hội.

Triển khai đề án chuyển đổi số; mạng lưới viễn thông 5G và ứng dụng công nghệ thông tin mới phục vụ thương mại điện tử, kinh tế số và cải cách hành chính, xây dựng có hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh

đ) Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tăng cường hoạt động y tế dự phòng. Chủ động phòng, chống dịch bệnh, khống chế và dập tắt kịp thời các ổ dịch, không để dịch lớn xảy ra. Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các loại dịch vụ y tế chất lượng cao. Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản bà mẹ và trẻ em.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; khắc phục tình trạng quá tải của các bệnh viện. Hoàn thành đưa vào hoạt động Bệnh viện Đa khoa tỉnh và một số bệnh viện chuyên khoa; xây dựng khu dưỡng lão chất lượng cao đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân góp phần nâng cao tuổi thọ, cải thiện chất lượng sống, chỉ số phát triển con người (HDI).

Triển khai thực hiện quản lý y tế thông minh từ cơ sở y tế đến cộng đồng dân cư, từng bước thực hiện tự chủ tài chính hoàn toàn ở cơ sở y tế đủ điều kiện.

Đẩy mạnh phát triển xã hội hóa y tế; phát triển mô hình bác sĩ gia đình, khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia tích cực các hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Tăng cường công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, nhất là nguồn nhân lực y tế cho vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo. Tăng cường cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe ban đầu; hướng đến mục tiêu hoàn thành bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

Phấn đấu đến năm 2025, có 10,31 bác sĩ/vạn dân; 33,49 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đạt 11,2%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 95%; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 95% trở lên.



e) Giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo đảm an sinh xã hội

Thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu thị trường lao động. Thực hiện có hiệu quả các chương trình đào tạo nghề, giải quyết việc làm và các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tai nạn cho người lao động. Thực hiện tốt công tác An toàn Vệ sinh lao động. Kết nối các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp để xác định nhu cầu đào tạo và triển khai đào tạo; trong đó, tập trung đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao nhằm đẩy mạnh cung ứng lao động cho doanh nghiệp, xuất khẩu lao động, từng bước tiếp cận với yêu cầu khoa học công nghệ của các nước trong khu vực và thế giới.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, nhất là chính sách ưu đãi đối với người có công, gia đình chính sách và các đối tượng bảo trợ xã hội. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội, ưu tiên cho các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo còn cao, các xã khó khăn, xã bãi ngang ven biển và nơi có đông đồng bào dân tộc Khmer. Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2021 -2025; xây dựng và nhân rộng các mô hình thoát nghèo hiệu quả; thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em, đặc biệt là các trẻ em nghèo, trẻ em vùng khó khăn ít có điều kiện tiếp cận tiến bộ xã hội; xử lý nghiêm các hành vi bạo lực trẻ em. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân thực hiện bình đẳng giới, thúc đẩy vì sự tiến bộ của phụ nữ, ngăn ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phòng chống các tệ nạn xã hội, góp phần bảo đảm an ninh trật tự, xây dựng xã, phường lành mạnh.

Phấn đấu giải quyết việc làm hàng năm 35.000 lượt lao động trở lên; giảm tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2025 dưới 3%; tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 đạt 75%, trong đó, lao động qua đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ đạt 52,5%.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, an ninh quốc phòng

a) Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền

Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả trong từng cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết Trung ương số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết Trung ương số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tăng cường tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước và của tỉnh về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

Tăng cường quản lý chặt chẽ biên chế công chức, viên chức với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị đảm bảo hợp lý về chuyên môn, chức danh nghề nghiệp. Nâng cao chất lượng quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện; đẩy mạnh việc thí điểm thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý.

Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình đào tạo cán bộ, công chức, viên chức theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa nâng cao năng lực thực thi công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp của tỉnh, ưu tiên cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở, tập trung vào ngoại ngữ, kỹ năng lãnh đạo, chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo đội ngũ chuyên gia ở trong và ngoài nước; đẩy mạnh các chương trình hợp tác đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục xác định cải cách hành chính mà cải cách thủ tục hành chính là chìa khóa trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, qua đó có những chỉ đạo, tổ chức triển khai các nội dung mang tính đột phá; xác định kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính hàng năm là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tiêu chí để bình xét thi đua, khen thưởng của mỗi tập thể, cá nhân.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về văn hóa công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan, đơn vị nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp:

Tăng cường chỉ đạo thực hiện xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Công bố các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh hết hiệu lực. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đổi mới phương thức, tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật. Tập trung phổ biến các luật mới được Quốc hội thông qua; nghiên cứu, đổi mới cách thức phổ biến pháp luật, tổ chức giới thiệu, phổ biến sâu rộng chủ trương, chính sách, các quy định của pháp luật mà dư luận xã hội quan tâm.

Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc trong việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật. Nâng cao chất lượng công tác hòa giải cơ sở; hướng dẫn đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật tại xã, phường, thị trấn góp phần hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

c) Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; gắn quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội với đầu tư, xây dựng các công trình phòng thủ. Nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh.

Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên có số lượng hợp lý, chất lượng ngày càng cao; sẵn sàng tham gia xử trí có hiệu quả các tình huống quốc phòng - an ninh; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt, dịch bệnh và tìm kiếm cứu hộ - cứu nạn; đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập; thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và các chính sách hậu phương quân đội.

d) Đảm bảo an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội

Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh cả bên trong và bên ngoài.

Chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm có yếu tố nước ngoài; hạn chế thấp nhất tội phạm ở lứa tuổi thanh thiếu niên; thực hiện đồng bộ các biện pháp kiềm chế tai nạn giao thông.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn, không để xảy ra bị động, bất ngờ; tăng cường công tác hoà giải, giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ Nhân dân; xây dựng xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp an ninh, an toàn.



4. Tăng cường quan hệ đối ngoại:

Nâng cao chất lượng hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế toàn diện sâu rộng; chủ động tham gia thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Duy trì tốt mối quan hệ đối ngoại, hợp tác với các tỉnh, thành giáp biên của Campuchia trong việc đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh mở rộng hoạt động kêu gọi đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá du lịch, tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; tăng cường phối hợp giữa các kênh, cơ quan đối ngoại của tỉnh; chú trọng nâng cao tính hiệu quả, thiết thực trong các mối quan hệ đối ngoại.

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025./. *lq*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (A và B);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- CVNC;
- Lưu: VT, pxquyet.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



hánh

Lâm Minh Thành